

LỜI NÓI ĐẦU

Dù kinh doanh trong lĩnh vực nào, lợi nhuận luôn là mục tiêu mà các doanh nghiệp theo đuổi. Tuy nhiên để đạt được mục tiêu này đòi hỏi phải có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các khâu từ tổ chức quản lý đến sản xuất kinh doanh và tiêu thụ... Do vậy, tổ chức quá trình sản xuất tiêu thụ hợp lý, hiệu quả đã và đang trở thành một vấn đề bao trùm toàn bộ hoạt động kinh doanh của mỗi doanh nghiệp.

Cũng như bao doanh nghiệp khác trong nền kinh tế thị trường, Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý luôn quan tâm tới việc tổ chức sản xuất kinh doanh nhằm thu lợi nhuận lớn nhất cho công ty. Là một công ty thương mại dịch vụ chuyên kinh doanh các dịch vụ vận chuyển hành khách thì kinh doanh tìm kiếm doanh thu là một trong những khâu quan trọng nhất. Xuất phát từ cách nhìn như vậy kế toán doanh thu cần phải được tổ chức một cách khoa học, hợp lý và phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty. Chính vì vậy em đã chọn đề tài: **“Hoàn thiện công tác hạch toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý”**.

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp ngoài lời mở đầu và kết luận gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Chương 2: Công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý

Chương 3: Một số biện pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý.

Em xin chân thành cảm ơn Phòng kế toán, các phòng ban chức năng của Công ty và thầy giáo Thạc sỹ Phạm Văn Tường đã giúp đỡ em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp.

Sinh viên

Đỗ Thị Hải Hà

CHƯƠNG I

LÝ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ, KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1 Vài nét về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh

1.1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.1.1.1 Khái niệm

Doanh thu được hiểu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

1.1.1.2 Các loại doanh thu, các phương thức bán hàng và thời điểm ghi nhận doanh thu.

❶ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh thu đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ thường được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

② Doanh thu tiêu thụ nội bộ

Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty.

③ Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa dịch vụ, lãi cho thuê tài chính, thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng, thu nhập về hoạt động đầu tư khác, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ...

④ Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ là tổng số tiền đã thu và sẽ thu được của người mua từ hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ.

- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;

- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;

- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước là khoản nợ phải thu khó đòi, xác định là không thu hồi được, đã được xử lý xóa sổ và tính vào chi phí để xác định kết quả kinh doanh trong các kỳ trước nay thu hồi được.

- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập là khoản nợ phải trả không xác định được chủ nợ hoặc chủ nợ không còn tồn tại.

- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại;

- Các khoản thu khác.

❖ Thời điểm ghi nhận doanh thu qua các phương thức bán hàng**- Bán hàng theo phương thức đại lý, ký gửi:**

Theo phương thức này, doanh nghiệp xuất kho thành phẩm gửi đi bán cho khách hàng theo hợp đồng ký kết giữa hai bên. Khi hàng xuất kho gửi đi bán thì hàng chưa xác định là tiêu thụ. Hàng gửi bán chỉ hạch toán vào doanh thu khi doanh nghiệp đã nhận được tiền bán hàng do khách hàng trả, khách hàng đã nhận được hàng chấp nhận thanh toán, khách hàng đã ứng trước tiền mua hàng về số hàng gửi đi bán. Chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán thì số hàng đó mới chính thức coi là tiêu thụ và doanh nghiệp có quyền ghi nhận doanh thu.

- Bán hàng theo phương thức giao thẳng:

Theo phương thức này, doanh nghiệp mua hàng và người cung cấp bán thẳng cho khách hàng không qua kho của doanh nghiệp. Khi đó nghiệp vụ mua bán xảy ra đồng thời.

- Bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp:

Theo phương thức này, khi bán hàng doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán hàng trả ngay, khách hàng được trả chậm theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng mua bán hàng. Phần lãi chậm trả được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi về trả chậm, trả góp.

- Bán hàng theo phương thức trực tiếp:

Theo phương thức này, căn cứ hợp đồng mua bán đã được ký kết, bên mua cử cán bộ đến nhận hàng tại kho của doanh nghiệp. Khi nhận hàng xong, người nhận ký xác nhận vào hóa đơn bán hàng và số hàng đó được xác định tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

1.1.1.3 Các yếu tố làm giảm doanh thu của doanh nghiệp**❶ Chiết khấu thương mại:**

Chiết khấu thương mại là khoản mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (Sản phẩm, hàng hoá), dịch vụ với khối lượng lớn và theo thoả thuận bên bán sẽ dành

cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (Đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng). Khoản chiết khấu có thể phát sinh trên khối lượng của từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

② Giảm giá hàng bán:

Giảm giá hàng bán là khoản tiền được giảm trừ cho người mua khi người mua vi phạm hợp đồng kinh tế ở mức độ nhẹ như do toàn bộ hoặc một phần hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc giao hàng không đúng địa điểm như trong hợp đồng

③ Giá trị hàng bán bị trả lại:

Giá trị hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận giá trị hàng bán bị trả lại đồng thời ghi nhận giảm tương ứng giá vốn hàng bán trong kỳ.

④ Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp các loại sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất (hoặc các loại dịch vụ) thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt cho khách hàng.

- Thuế xuất khẩu được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp có hàng hóa được phép xuất khẩu qua cửa khẩu hay biên giới. Doanh nghiệp phải có nghĩa vụ nộp thuế xuất khẩu. Trong doanh thu của hàng xuất khẩu đã bao gồm số thuế xuất khẩu phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Thuế giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp trực tiếp là tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất tới tiêu dùng. Thuế GTGT phải nộp tương ứng với doanh thu đã được xác định trong kỳ báo cáo.

➔ **Doanh thu thuần** được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu về hoặc sẽ thu khi trừ đi các khoản giảm trừ (chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và giá trị hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu và thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp).

1.1.2 Chi phí kinh doanh của doanh nghiệp

1.1.2.3 Khái niệm

Chi phí là các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác..., mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

1.1.2.4 Các loại chi phí

❶ **Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

❷ **Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí doanh nghiệp là toàn bộ các khoản chi phí cho hoạt động kinh doanh, cho các hoạt động khác và các khoản thuế mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Chi phí bán hàng:

Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng: phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hóa... Bao gồm tiền lương, tiền ăn giữa ca, tiền công và các khoản trích theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn...).

- Chi phí vật liệu bao bì: phản ánh các chi phí vật liệu, bao bì xuất dùng cho việc giữ gìn, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, dịch vụ, như chi phí vật liệu đóng

gói sản phẩm, hàng hoá, chi phí vật liệu, nhiên liệu dùng cho bảo quản, bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa trong quá trình tiêu thụ, vật liệu dùng cho sửa chữa, bảo quản tài sản cố định... dùng cho bộ phận bán hàng.

- Chi phí dụng cụ, đồ dùng: Phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa như dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, phương tiện làm việc.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định: phản ánh chi phí khấu hao tài sản cố định ở bộ phận bảo quản, bán hàng như nhà kho, cửa hàng, bến bãi, phương tiện vận chuyển, bốc dỡ, phương tiện tính toán, đo lường, kiểm nghiệm chất lượng.

- Chi phí bảo hành sản phẩm: phản ánh các khoản chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa. Riêng chi phí sửa chữa, bảo hành công trình xây lắp được phản ánh vào chi phí sản xuất chung, không phản ánh vào chi phí bán hàng.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bán hàng như chi phí thuê ngoài sửa chữa tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho khâu bán hàng, tiền thuê kho, thuê bãi, tiền thuê bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa đi bán, tiền trả hoa hồng cho đại lý bán hàng, cho đơn vị nhận ủy thác xuất khẩu...

- Chi phí bằng tiền khác: phản ánh các chi phí khác phát sinh trong khâu bán hàng ngoài các chi phí đã nêu trên như chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, chi phí giới thiệu sản phẩm, hàng hóa, quảng cáo, chào hàng, chi phí hội nghị khách hàng...

✍ Chi phí quản lý doanh nghiệp:

Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý: phản ánh các khoản phải trả cán bộ nhân viên quản lý doanh nghiệp như tiền lương, các khoản phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của Ban Giám đốc, nhân viên quản lý ở các phòng ban của doanh nghiệp.

- Chi phí vật liệu quản lý: phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như văn phòng phẩm, vật liệu sử dụng cho việc sửa chữa tài sản cố định, công cụ, dụng cụ... (Giá có thuế hoặc chưa có thuế GTGT).

- Chi phí đồ dùng văn phòng: phản ánh chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng cho công tác quản lý (Giá có thuế hoặc chưa có thuế GTGT).

- Chi phí khấu hao tài sản cố định: phản ánh chi phí khấu hao tài sản cố định dùng trong doanh nghiệp như: nhà cửa làm việc của các phòng ban, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện vận tải, truyền dẫn, máy móc thiết bị quản lý dùng trên văn phòng...

- Thuế, phí và lệ phí: phản ánh chi phí về thuế, phí và lệ phí như: thuế môn bài, tiền thuê đất,... và các khoản phí, lệ phí khác.

- Chi phí dự phòng: phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp, các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế... (không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định) được tính theo phương pháp phân bổ dần vào chi phí quản lý doanh nghiệp, tiền thuê tài sản cố định, chi phí trả cho nhà thầu phụ.

- Chi phí bằng tiền khác: phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp, ngoài chi phí đã nêu trên như chi phí hội nghị tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ...

❸ Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay, đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch chứng khoán, các khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ...

④ Chi phí khác

Chi phí khác bao gồm: chi phí thanh lý nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý nhượng bán, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế, các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán, các khoản chi phí khác...

⑤ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN

1.1.3 Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện lãi, lỗ từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là số chênh lệch giữa lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ; doanh thu hoạt động tài chính với chi phí tài chính; chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Lợi nhuận khác là chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế là tổng số giữa lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh với lợi nhuận khác.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (lợi nhuận ròng hay lãi ròng) là phần lợi nhuận sau khi lấy lợi nhuận kế toán trước thuế trừ đi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường: là kết quả từ hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, đó là hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ.
- Kết quả hoạt động tài chính: là kết quả từ các hoạt động tài chính được tính bằng chênh lệch giữa thu nhập tài chính và chi phí tài chính.
- Kết quả hoạt động khác: là kết quả từ các hoạt động khác được tính bằng chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

1.2 Vai trò và nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**1.2.1 Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh**

Hòa mình vào sự phát triển của nước nhà cùng với các chính sách mở cửa của nhà nước, tiến trình gia nhập các tổ chức kinh tế khu vực và thế giới đã đầy đủ và có hiệu lực làm cho hàng hóa xuất hiện trên thị trường Việt Nam ngày càng tăng tạo sức ép cho các doanh nghiệp trong nước. Để đứng vững trong guồng quay của nền kinh tế thị trường đòi hỏi các doanh nghiệp phải biết kinh doanh có hiệu quả, hợp lý chặt chẽ, nghiêm túc trong quản lý tiết kiệm chi phí nâng cao doanh thu, lợi nhuận.

Do vậy, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có vai trò rất to lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước hết doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất đơn giản cũng như tái sản xuất mở rộng. Là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước như nộp các khoản thuế, phí theo quy định. Ngoài ra, doanh thu còn là nguồn có thể tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, tham gia liên kết với các đơn vị khác. Trong trường hợp doanh thu không đủ đảm bảo cho các khoản chi phí bỏ ra, doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về tài chính. Nếu tình trạng này kéo dài sẽ làm cho doanh nghiệp không còn đủ cạnh tranh trên thị trường và tất yếu sẽ đi đến phá sản.

1.2.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại thành phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

- Tham mưu các giải pháp thúc đẩy bán hàng, tăng vòng quay của vốn.

- Cung cấp các thông tin cần thiết về tình hình bán hàng cho chủ doanh nghiệp kịp thời có số liệu, tình hình chỉ đạo hoạt động mua – bán kinh doanh của doanh nghiệp.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước để họ có căn cứ đánh giá sức mua, đánh giá tình hình tiêu dùng, đề xuất các chính sách ở tầm vĩ mô.

1.3 Hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.3.1 Kế toán doanh thu, thu nhập và các khoản giảm trừ doanh thu

1.3.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn bán hàng thông thường, hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo có, giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

Tài khoản sử dụng

➤ **TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

✓ **Bên Nợ:**

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;

- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ;
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ;
- Kết chuyển doanh thu thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

✓ **Bên Có:**

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

✓ TK 511 không có số dư cuối kỳ

✓ TK 511 có 5 tiểu khoản cấp 2:

- + TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- + TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- + TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + TK 5114: Doanh thu trợ cấp trợ giá
- + TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

➤ **TK 512: Doanh thu bán hàng nội bộ**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ các doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là số tiền thu được do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá nội bộ.

✓ **Bên nợ**

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm trừ hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của một số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ.

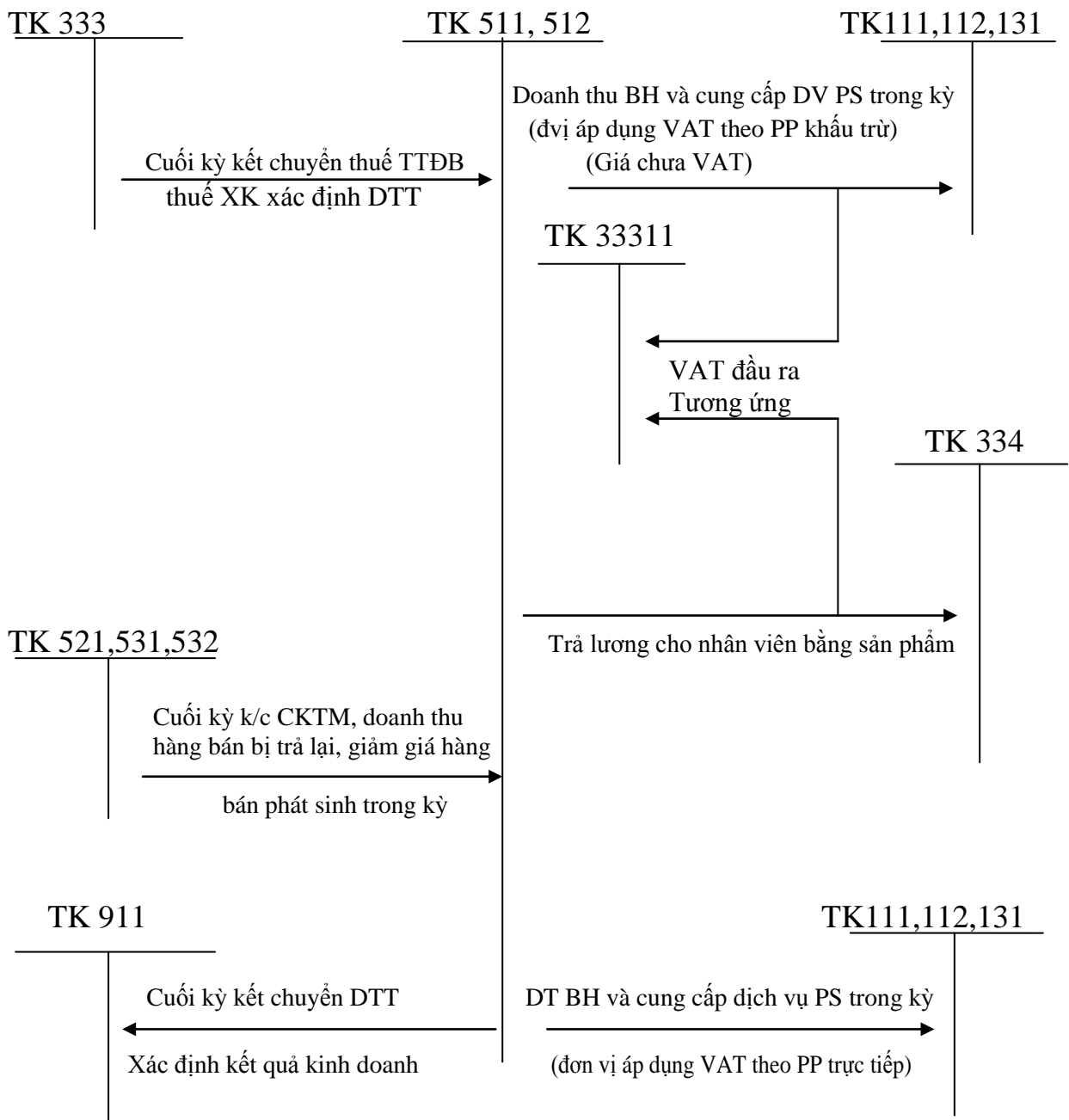
- Số thuế giá trị gia tăng phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp của một số sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ nội bộ.
- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”
- ✓ **Bên có**
- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.
- ✓ TK 512 không có số dư cuối kỳ
- ✓ TK 512 có 3 tiểu khoản cấp 2:
 - + TK 5121: Doanh thu bán hàng hóa
 - + TK 5122: Doanh thu bán các thành phẩm
 - + TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ được khái quát qua sơ đồ sau

Sơ đồ 1.1

SƠ ĐỒ KẾ TOÁN DOANH THU VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ



1.3.1.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Các chứng từ khác có liên quan

Tài khoản sử dụng

➤ **TK 521: Chiết khấu thương mại**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng với số lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (Đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua bán hàng hóa).

✓ **Bên nợ**

Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

✓ **Bên có**

Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

✓ Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ

✓ Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại có 3 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 5211 - Chiết khấu hàng hoá:*

- *Tài khoản 5212 - Chiết khấu thành phẩm*

- *Tài khoản 5213 - Chiết khấu dịch vụ*

➤ **TK 531: Hàng bán bị trả lại**

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Giá trị hàng bán bị trả lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh doanh thu bán hàng thực tế thực hiện trong kỳ kinh doanh để tính doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm, hàng hoá đã bán ra trong kỳ báo cáo.

✓ **Bên Nợ:**

Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hoá đã bán.

✓ **Bên Có:**

Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, hoặc Tài khoản 512 “Doanh thu nội bộ” để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

✓ Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ.

➤ **TK 532: Giảm giá hàng bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Trong kỳ kế toán, khoản giảm giá hàng bán phát sinh thực tế được phản ánh vào bên Nợ của Tài khoản 532 “Giảm giá hàng bán”. Cuối kỳ kế toán, trước khi lập báo cáo tài chính thực hiện kết chuyển tổng số tiền giảm giá hàng bán sang Tài khoản 511 - “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu thuần thực hiện trong kỳ.

✓ **Bên Nợ:**

Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

✓ **Bên Có:**

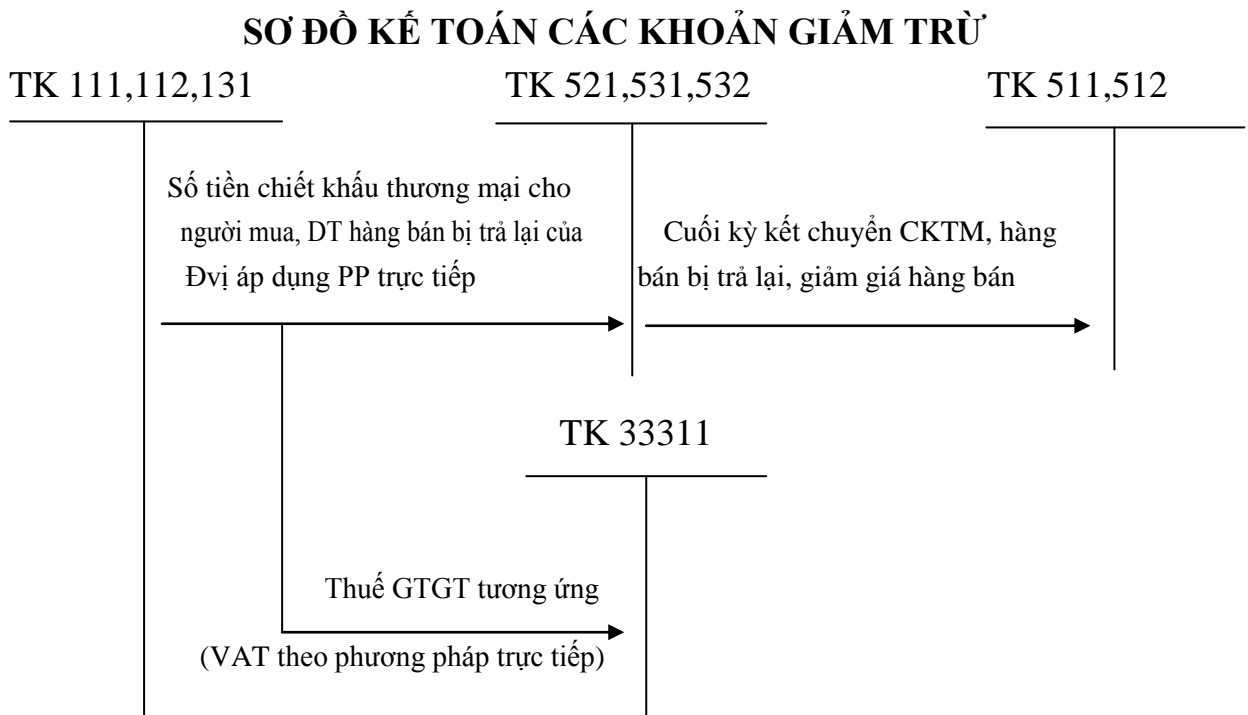
Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang Tài khoản “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc Tài khoản “Doanh thu bán hàng nội bộ”.

✓ Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.

Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.2



1.3.2 Kế toán chi phí

1.3.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán

Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu chi

Tài khoản sử dụng

➤ **TK 632: Giá vốn hàng bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (Đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

❶ Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:

✓ **Bên Nợ:**

- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, phản ánh:
- + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ;

+ Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;

+ Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;

+ Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành;

+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

- *Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư, phản ánh:*

+ Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ;

+ Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư;

+ Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐS đầu tư trong kỳ;

+ Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán, thanh lý trong kỳ;

+ Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ.

✓ **Bên Có:**

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”;

- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;

- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);

- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

✓ Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

❷ Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại:

✓ **Bên Nợ:**

- Trị giá vốn của hàng hoá đã xuất bán trong kỳ;
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

✓ **Bên Có:**

- Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ;
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);
- Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ:

✓ **Bên Nợ:**

- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ;
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).
- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

✓ **Bên Có:**

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155 “Thành phẩm”;
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập dự phòng năm trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

- ✓ Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.
- ✓ Việc hạch toán hàng tồn kho được áp dụng theo một số phương pháp sau:
 - *Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ*: Giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.
 - *Phương pháp nhập trước xuất trước*: Phương pháp này được áp dụng dựa trên giả định hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ. Giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.
 - *Phương pháp nhập sau xuất trước*: Phương pháp này được áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.
 - *Phương pháp theo giá thực tế đích danh*: Phương pháp này được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

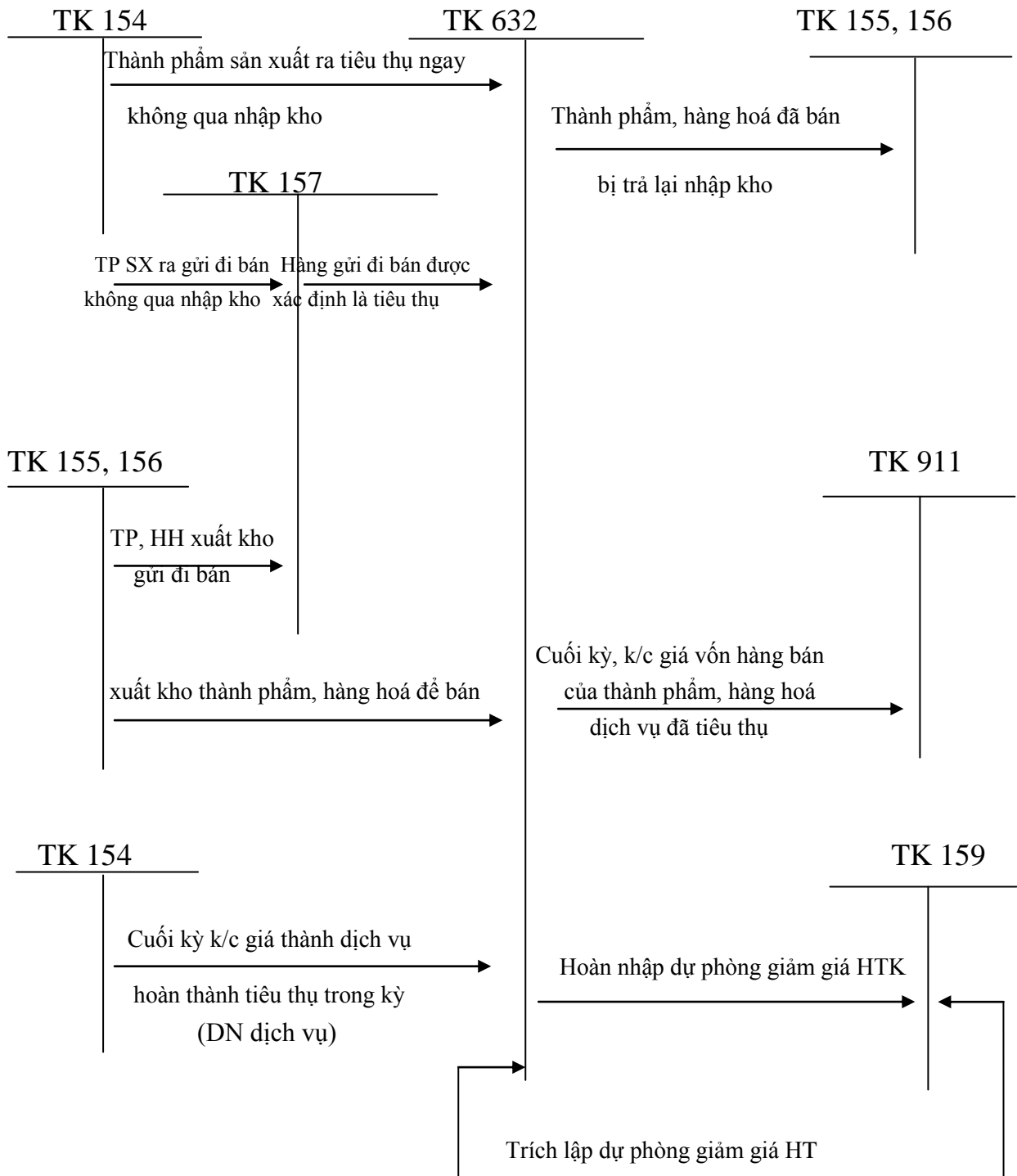
Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kê khai thường xuyên) được khái quát theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.3

SƠ ĐỒ KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN

(theo phương pháp kê khai thường xuyên)

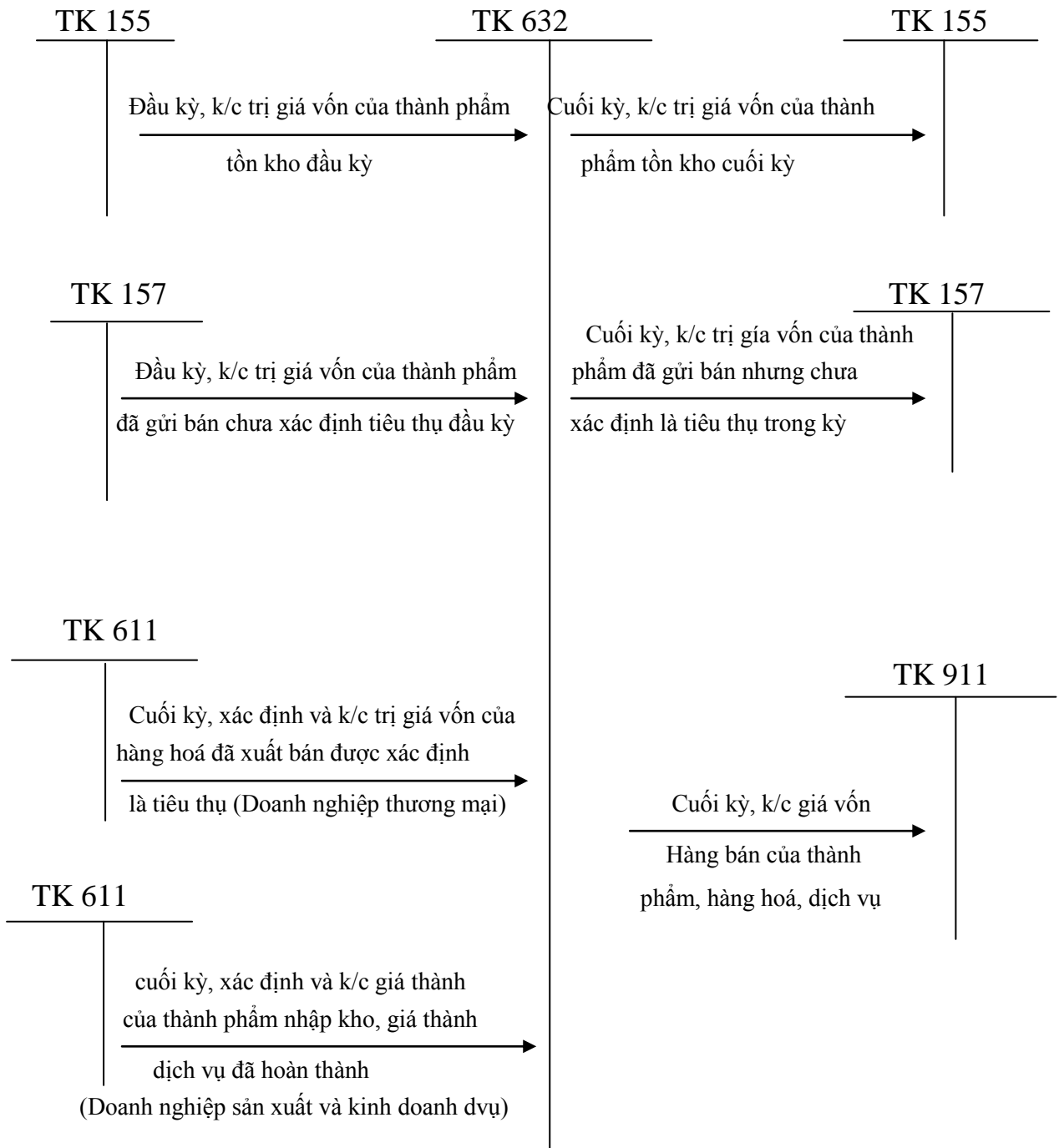


Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kiểm kê định kỳ) được khái quát theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.4

SƠ ĐỒ KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN

(theo phương pháp kiểm kê định kỳ)



1.3.2.2 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan

Tài khoản sử dụng

➤ **TK 641: Chi phí bán hàng**

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (Trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,..

✓ **Bên Nợ:**

Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán và tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

✓ **Bên Có:**

- Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

✓ Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

✓ Tài khoản 641 - Chi phí bán hàng, có 7 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6411 - Chi phí nhân viên
- Tài khoản 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì
- Tài khoản 6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- Tài khoản 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6415 - Chi phí bào hành
- Tài khoản 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6418 - Chi phí bằng tiền khác

➤ **TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (Điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (Tiếp khách, hội nghị khách hàng...). Tài khoản 642 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí theo quy định.

✓ **Bên Nợ:**

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

✓ **Bên Có:**

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

✓ Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

✓ Tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp, có 8 tài khoản cấp 2:

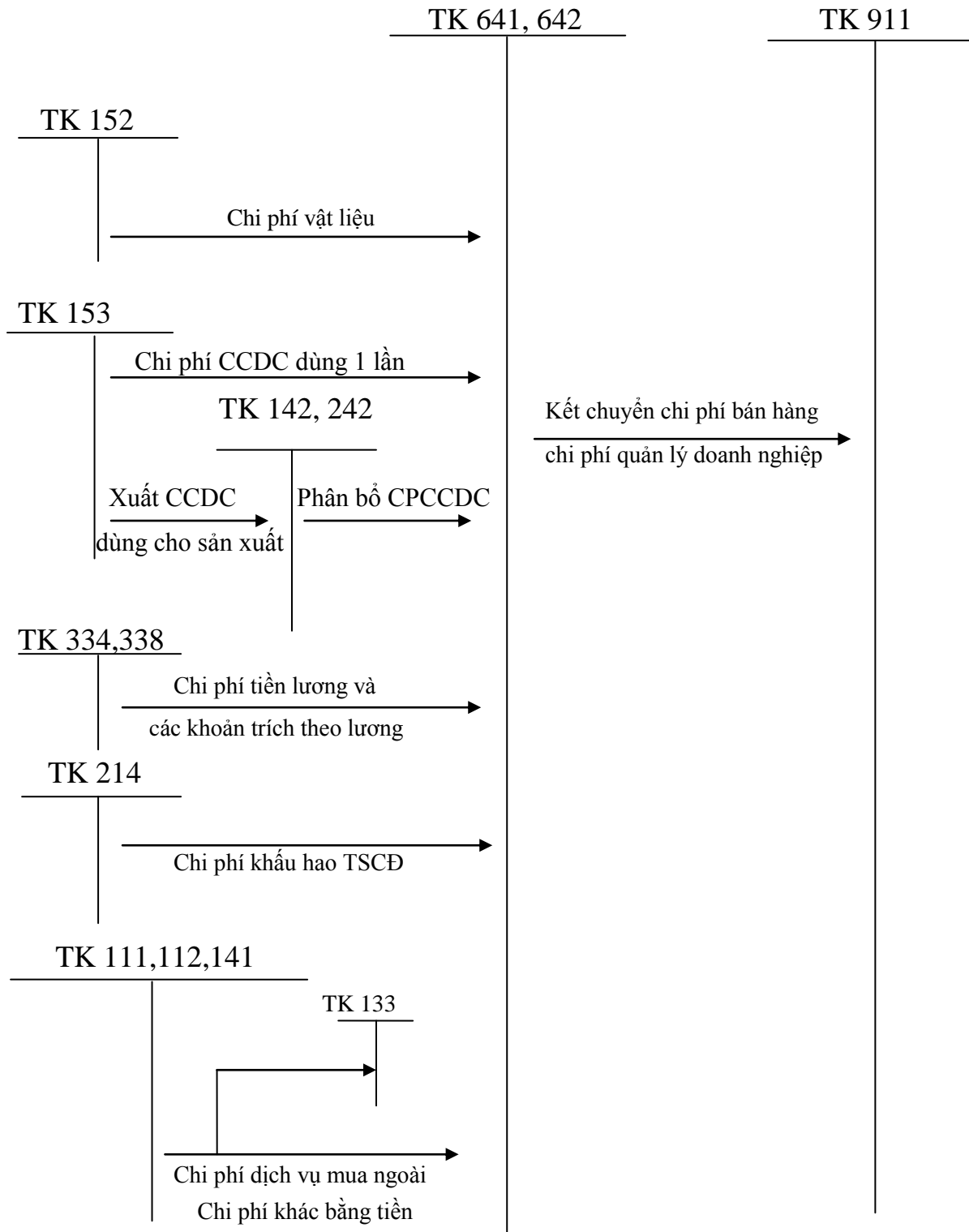
- *Tài khoản 6421 - Chi phí nhân viên quản lý*
- *Tài khoản 6422 - Chi phí vật liệu quản lý*
- *Tài khoản 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng*
- *Tài khoản 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ*
- *Tài khoản 6425 - Thuế, phí và lệ phí*
- *Tài khoản 6426 - Chi phí dự phòng*
- *Tài khoản 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài*
- *Tài khoản 6428 - Chi phí bằng tiền khác*

Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được khái quát qua sơ đồ sau

Sơ đồ 1.5

SƠ ĐỒ KẾ TOÁN CHI PHÍ BÁN HÀNG, CHI PHÍ QLDN



1.3.3 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan.

Tài khoản sử dụng

➤ TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

✓ Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

✓ Bên Có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- Chiết khấu thanh toán được hưởng;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ;
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính;
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

- ✓ Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

➤ **TK 635: Chi phí tài chính**

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán. . . ; Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái. . .

Tài khoản 635 phải được hạch toán chi tiết cho từng nội dung chi phí.

✓ **Bên Nợ:**

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Lỗ bán ngoại tệ;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện);
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá - giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính;
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

✓ **Bên Có:**

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

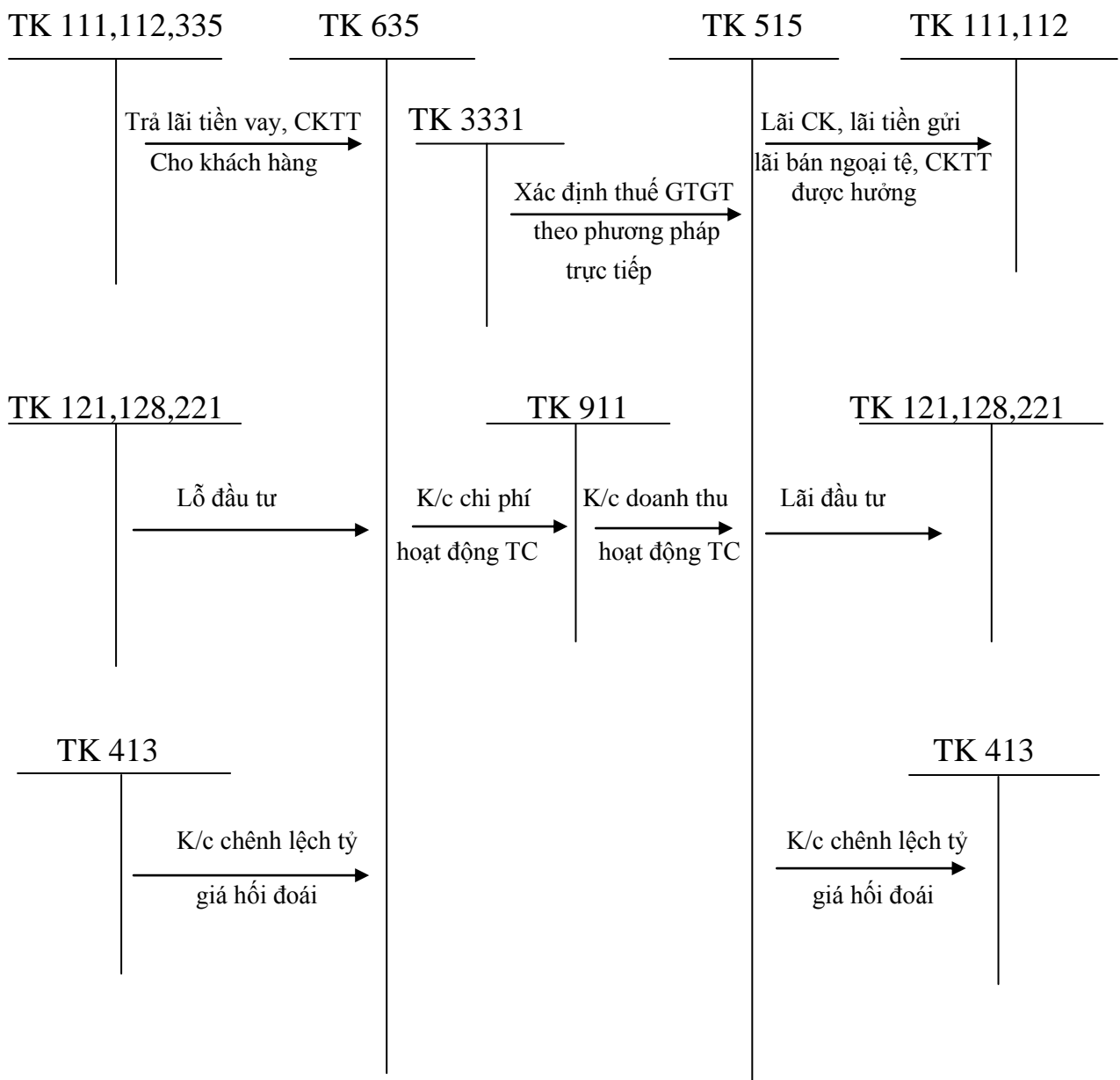
✓ Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được khái quát theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.6

SƠ ĐỒ KẾ TOÁN DOANH THU VÀ CHI PHÍ TÀI CHÍNH



1.3.4 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan

Tài khoản sử dụng

➤ **TK 711: Thu nhập khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

✓ **Bên Nợ:**

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

✓ **Bên Có:**

Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

✓ Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

➤ **TK 811: Chi phí khác**

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

✓ **Bên Nợ:**

Các khoản chi phí khác phát sinh.

✓ **Bên Có:**

Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

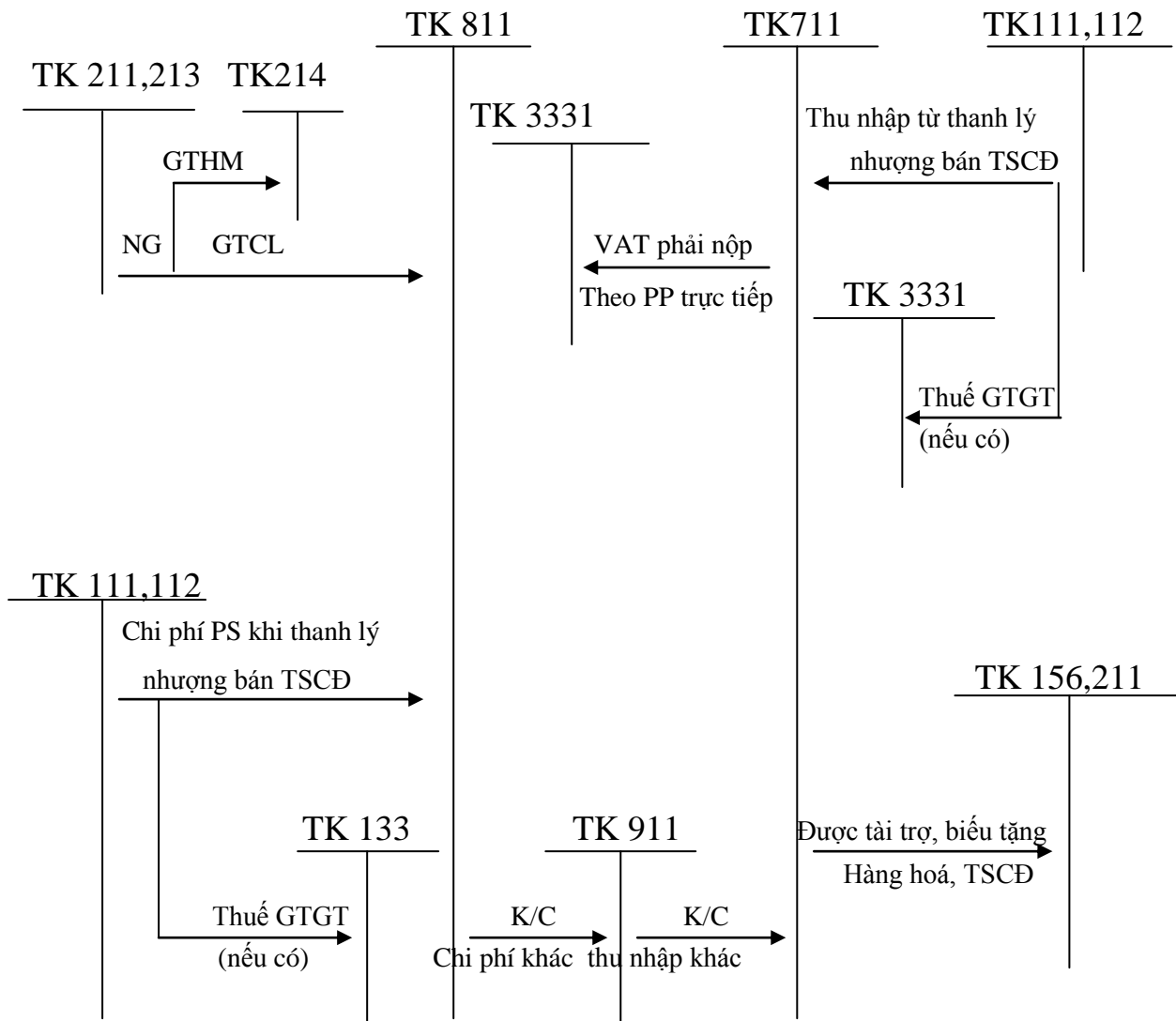
✓ Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.7

SƠ ĐỒ KẾ TOÁN DOANH THU KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC



1.3.5 Kế toán xác định kết quả doanh thu

Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

Tài khoản sử dụng

➤ **TK 911: Xác định kết quả kinh doanh**

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- *Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh* là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (Gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- *Kết quả hoạt động tài chính* là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- *Kết quả hoạt động khác* là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

✓ **Bên Nợ:**

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Kết chuyển lãi.

✓ **Bên Có:**

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Kết chuyển lỗ.

✓ Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

Cách xác định kết quả doanh thu như sau:

$$\begin{array}{l}
 \text{Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu} \\
 \text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Giá vốn hàng bán}
 \end{array}$$

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi} & & \text{Lợi} & & \text{Doanh} & & \text{Chi} \\ \text{nhuận} & & \text{nhuận} & & \text{thu} & & \text{phí} \\ \text{từ} & = & \text{gộp về} & + & \text{hoạt} & - & \text{Chi} \\ \text{HĐKD} & & \text{và} & & \text{động} & - & \text{phí} \\ & & \text{cung} & & \text{tài} & - & \text{QLDN} \\ & & \text{cấp} & & \text{chính} & - & \text{bán} \\ & & \text{dvu} & & \text{chính} & & \text{hàng} \end{array}$$

$$\begin{array}{ccc} \text{lợi} & & \text{Thu} \\ \text{nhuận} & = & \text{nhập} \\ \text{khác} & & \text{khác} \\ & & - \text{ Chi phí khác} \end{array}$$

$$\begin{array}{ccc} \text{Tổng} & & \text{Lợi} \\ \text{lợi} & = & \text{nhuận} \\ \text{nhuận} & & \text{thuần} \\ \text{kế} & & \text{từ} \\ \text{toán} & & \text{hoạt} \\ \text{trước} & & \text{động} \\ \text{thuế} & & \text{kinh} \\ & & \text{doanh} \\ & & + \text{ Lợi} \\ & & \text{nhuận} \\ & & \text{khác} \end{array}$$

$$\begin{array}{ccc} \text{lợi} & & \text{tổng} \\ \text{nhuận} & = & \text{lợi} \\ \text{sau} & & \text{nhuận} \\ \text{thuế} & & \text{kế} \\ \text{thu} & & \text{toán} \\ \text{nhập} & & \text{trước} \\ \text{doanh} & & \text{thuế} \\ \text{nghiệp} & & - \text{ Chi} \\ & & \text{phí} \\ & & \text{thuế} \\ & & \text{TNDN} \end{array}$$

➤ TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

✓ Bên Nợ:

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp;
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh;
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh;
- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

✓ Bên Có:

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ;
 - Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù;
 - Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.
- ✓ Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có.

Số dư bên Nợ:

Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.

Số dư bên Có:

Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

✓ Tài khoản 421 - Lợi nhuận chưa phân phối, có 2 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 4211 - Lợi nhuận chưa phân phối năm trước*

Đầu năm sau, kế toán kết chuyển số dư đầu năm từ TK 4212 “Lợi nhuận chưa phân phối năm nay” sang TK 4211 “Lợi nhuận chưa phân phối năm trước”.

- *Tài khoản 4212 - Lợi nhuận chưa phân phối năm nay*

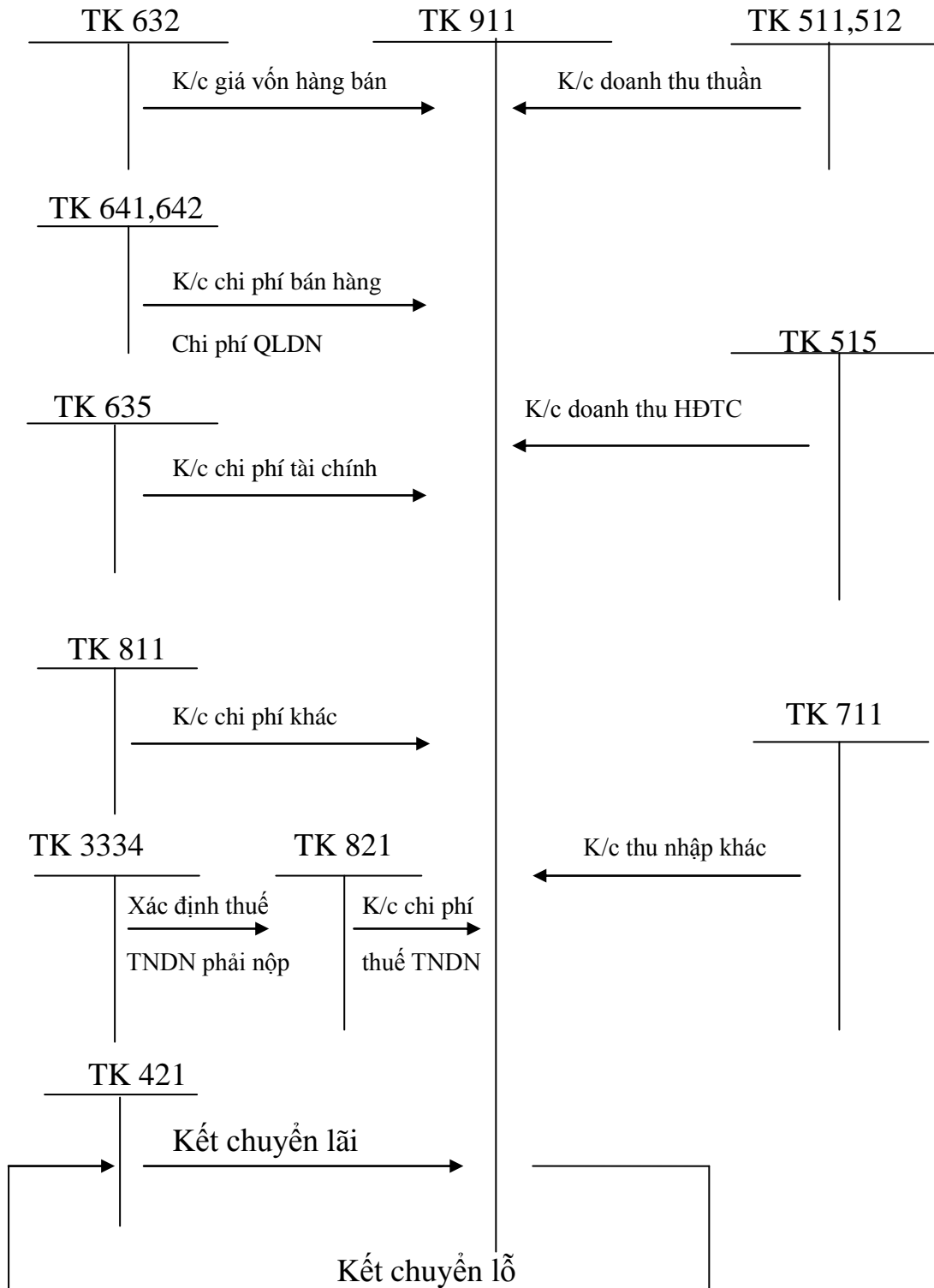
➤ **TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.**

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.8

**SƠ ĐỒ KẾ TOÁN TẬP HỢP DOANH THU, CHI PHÍ
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH DỊCH VỤ**



CHƯƠNG 2

CÔNG TÁC HẠCH TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG CÔNG LÝ

2.1 Khái quát chung về Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý.

Tên công ty : Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý

Tên viết tắt : Công ty Công Lý.

Địa chỉ : Số 8 – Đường Trường Chinh – Kiến An – Hải Phòng

Điện thoại : 0313.878351

Tài khoản số: 30100020013693 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam á - chi nhánh Hải Phòng.

Loại hình doanh nghiệp: Công ty Cổ Phần.

Vốn điều lệ của Công ty: **5.100.000.000đ**

(Năm tỷ một trăm triệu đồng chẵn).

Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000292 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 15/10/2002.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty

Họ và tên: Đỗ Văn Lý

Giới tính: (Nam)

Sinh ngày: 19/08/1958

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đồng Minh - Vĩnh Bảo - Hải Phòng.

Chỗ ở hiện tại: Số 58 - Khu 1- Lãm Hã- Kiến An - Hải Phòng

Thành lập năm 2002, với tôn chỉ hoạt động: Chất lượng, lòng tin và thương hiệu của mình trên thị trường cạnh tranh khốc liệt trong quá trình hội

nhập với nền kinh tế quốc tế và khu vực... Với phương châm “Sự hài lòng, Lợi ích của khách hàng là sự thành công của Công ty”, Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý đã góp phần không nhỏ trong việc vận chuyển hành khách và hàng hoá.

2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty Công Lý

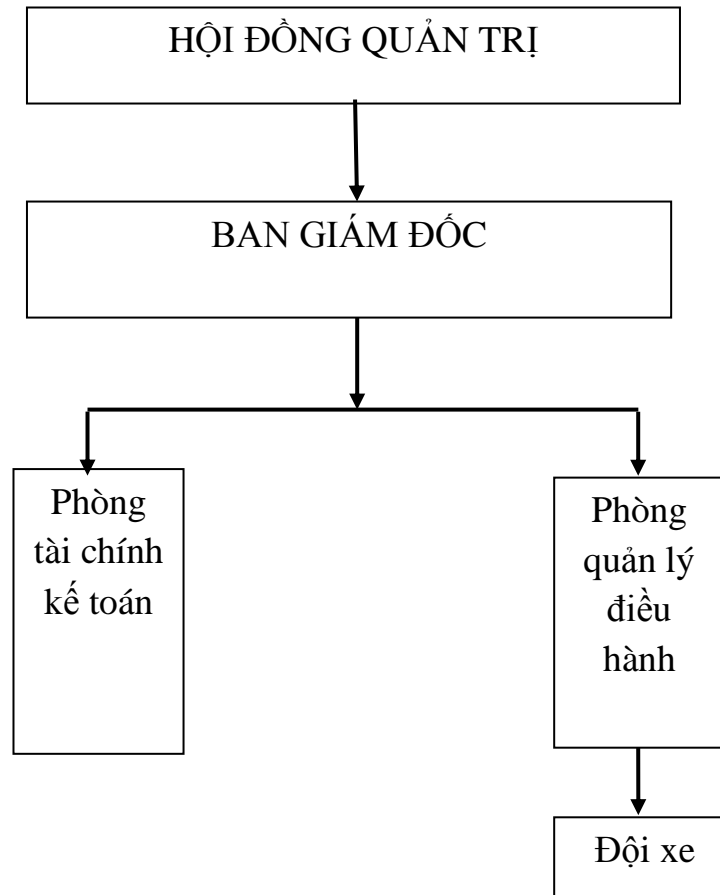
- Vận chuyển hành khách đường bộ theo tuyến cố định;
- Vận chuyển hành khách bằng đường bộ theo hợp đồng;
- Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, phương tiện vận tải;
- Lữ hành nội địa;
- Bơm hút bể phốt, thông tắc đường công ngầm.

2.1.3 Tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh của Công ty Công Lý

Đề điều hành sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao và quản lý quá trình vận hành đòi hỏi bộ máy quản lý hợp lý, gọn nhẹ góp phần làm giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất. Do đó Công ty tổ chức bộ máy quản lý theo cơ cấu trực tuyến – chức năng.

Sơ đồ 2.1

**SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ
CỦA CÔNG TY CÔNG LÝ**



Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban.

Hội đồng quản trị:

- Bổ nhiệm và bãi miễn Giám đốc, Kế toán trưởng.
- Chọn lựa và quyết định đưa ra hình thức cung cấp dịch vụ vào thị trường.
- Quyết định các chủ trương, chính sách kinh doanh - dịch vụ mang tính chiến lược, ngành kinh doanh của công ty, sửa đổi Điều lệ khi cần thiết.
- Quyết định mở rộng hoạt động kinh doanh của công ty: mở chi nhánh, văn phòng đại diện...

Ban giám đốc:

Trực tiếp lãnh đạo, điều hành toàn bộ mọi hoạt động của Công ty. Ký các hợp đồng, các văn bản liên quan đến các hợp đồng. Ký duyệt các chứng từ ban đầu phát sinh về tiền, hàng...

Phòng kế toán tài chính

Có nhiệm vụ tổ chức thực hiện bảo toàn vốn cho kinh doanh và công tác chi phí trong toàn công ty, theo dõi thanh toán các khoản chi phí phát sinh, hạch toán kinh tế, tổng kết và báo cáo thanh toán tiền lương, lập quyết định, v.v...

Phòng quản lí và điều hành

Phòng quản lí điều hành hai đội xe: xe khách và xe tải. Mỗi đội có trên dưới 10 đầu xe và thành viên của mỗi đội gồm: Cán bộ đội, kĩ thuật đội, thu ngân, checker – “đội kiểm tra, giám sát”

Đội xe

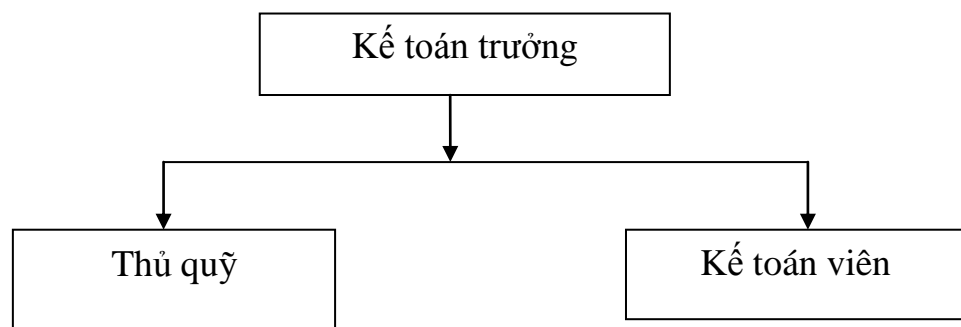
- Mỗi đội xe có một quản lý nắm vào quản lý chắc tình hình lái xe, phương tiện hàng ngày, hàng tháng, đôn đốc lái xe thực hiện nghiêm chỉnh kế hoạch vận tải, kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa, nộp đúng đủ mức khoán hàng tháng.

2.1.4 Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung.

Sơ đồ 2.2

SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC KẾ TOÁN CỦA CÔNG TY CÔNG LÝ



Để đạt được những hiệu quả như hiện tại nhờ một phần lớn vào sự phân công công việc hợp lý, tinh thần làm việc nhiệt tình của bộ máy kế toán. Cụ thể chức năng nhiệm vụ của từng nhân viên trong phòng kế toán được phân chia như sau:

Kế toán trưởng:

- Kiểm tra, giám sát việc thu chi tài chính của Công ty theo đúng chế độ tài chính của Nhà nước và quy định của Công ty.

- Tổ chức bộ máy tài chính kế toán toàn Công ty, phân cấp chỉ đạo các công việc trong phòng đảm bảo thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước và của Công ty.

- Lập kế hoạch tài chính đề xuất và điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với tình hình thực tế của công ty và thị trường.

Kế toán viên

- Có trách nhiệm trực tiếp thực hiện các phần hành kế toán của Công ty, giúp kế toán trưởng điều hành các hoạt động kế toán tài chính khi kế toán trưởng đi công tác

Thủ quỹ.

- Phụ trách quản lý, thực hiện các nghiệp vụ thu, chi bằng tiền trên cơ sở các chứng từ hợp lệ đã được Giám đốc và kế toán trưởng ký duyệt, lập dự toán để dự trữ tiền mặt tại quỹ hợp lý.

Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty.

Công ty thực hiện hạch toán căn cứ vào “Chế độ kế toán doanh nghiệp” ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Chế độ kế toán doanh nghiệp gồm có hệ thống tài khoản kế toán, hệ thống báo cáo tài chính, chế độ chứng từ kế toán, chế độ sổ kế toán.

Hiện nay Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý đang áp dụng hình thức kế toán “Nhật Ký chung” để ghi chép, hệ thống hoá và tổng hợp số liệu. Hình thức này gồm các sổ sách sau:

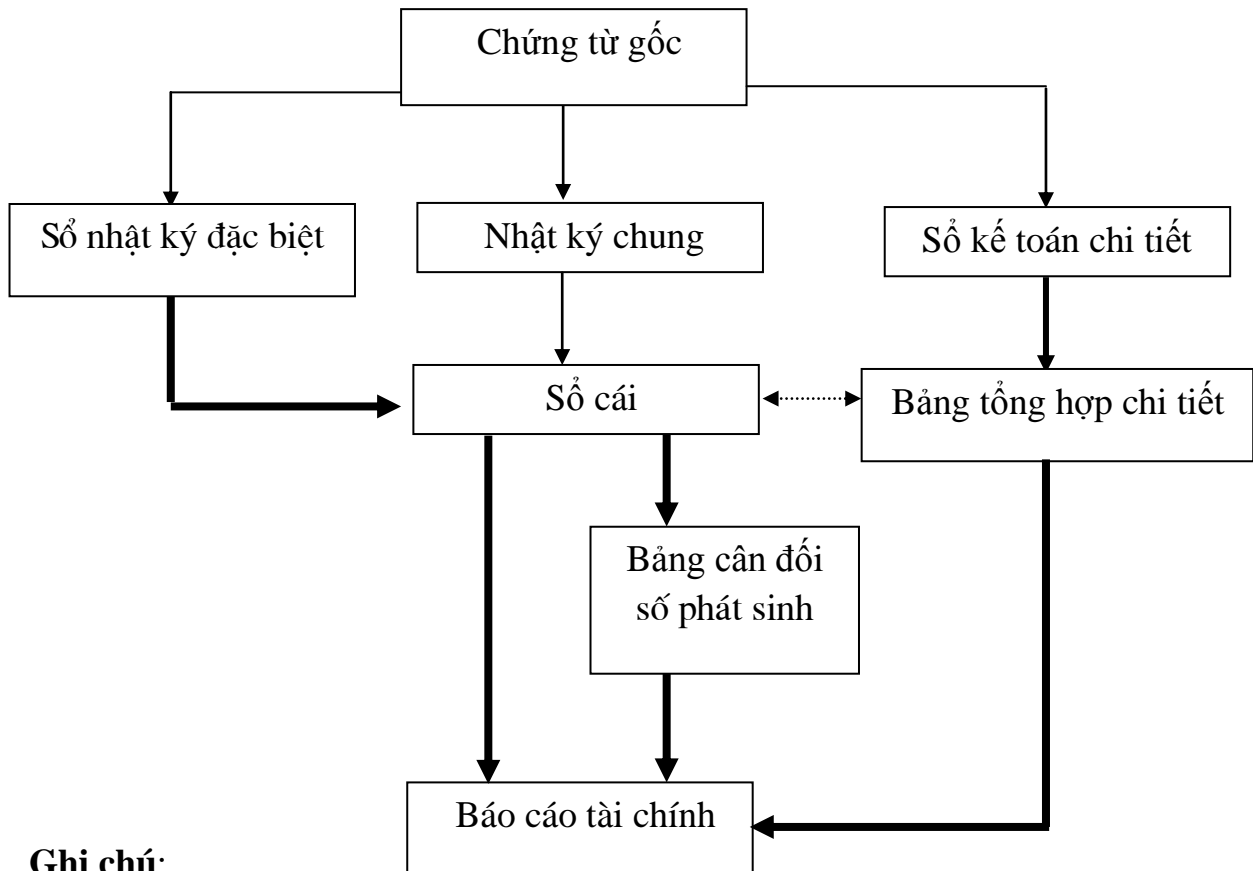
Nhật ký chung

Sổ cái

Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 2.3

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC NHẬT KÝ CHUNG



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày : \longrightarrow
- Ghi định kỳ : \longrightarrow
- Đối chiếu kiểm tra : \longleftrightarrow

- Đơn vị tiền tệ: Việt Nam đồng
- Niên độ kế toán: Từ 1/1 đến 31/12.
- Chế độ kế toán áp dụng: theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- Công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, hàng tháng công ty phải nộp tờ khai thuế cho Chi cục thuế Quận Kiến An.
- Hàng tháng công ty phải lập tờ khai thuế và tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quý.
- Vào cuối năm công ty lập quyết toán thuế GTGT, thuế TNDN theo quy định của Tổng cục thuế.

- Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính trị giá hàng xuất theo phương pháp bình quân gia quyền, tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.

- Hệ thống báo cáo tài chính của Công ty Công Lý sử dụng hiện nay gồm 03 báo cáo tài chính theo chế độ hiện nay gồm:

Bảng cân đối kế toán (Mẫu B01-DNN)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu B02-DNN)

Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu B09- DNN)

2.2 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý.

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý.

Nội dung của doanh thu tại Công ty Công Lý.

Đối với một doanh nghiệp, tiêu thụ hàng hoá (đưa ra dịch vụ) là khâu cuối cùng của một vòng chu chuyển vốn, là quá trình chuyển đổi tài sản từ hình thái hiện vật sang hình thái tiền tệ. Tiêu thụ có ý nghĩa vô cùng quan trọng - quyết định thành bại, là quá trình thực hiện lợi nhuận - mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp.

Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý là một công ty dịch vụ: cung cấp dịch vụ vận tải cho thuê xe theo hợp đồng, vận chuyển hành khách theo tuyến cố định. Ngoài ra còn thu được từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải và dịch vụ bơm hút bể phốt, thông tắc cống ngầm. Công ty sử dụng phương thức cung ứng dịch vụ theo hình thức trực tiếp. Theo phương thức này, bên mua cử người đại diện đến công ty ký hợp đồng, công ty căn cứ hợp đồng đó để chuẩn bị xe và cung ứng kịp thời cho bên thuê xe. Sau khi hoàn thành hợp đồng, công ty tiến hành ghi nhận doanh thu, đồng thời ghi nhận giá vốn.

Công ty sử dụng phương thức thanh toán bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

✍ Đối với phương thức thanh toán bằng tiền mặt. Hàng ngày, khi phát sinh nghiệp vụ thuê xe và đã thanh lý hợp đồng, kế toán viết hoá đơn GTGT.

Hoá đơn giá trị gia tăng hàng bán ra gồm 3 liên:

Liên 1: Màu tím được lưu lại quyền hoá đơn.

Liên 2: Màu đỏ giao cho khách hàng.

Liên 3: Màu xanh luân chuyển trong công ty để ghi sổ kế toán.

Khi khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, kế toán viết Phiếu thu, phiếu thu viết làm 3 liên, đặt giấy than viết 1 lần, liên 1 để lưu, liên 2 giao khách hàng, liên 3 giao cho thủ quỹ.

✍ Đối với phương thức thanh toán qua ngân hàng. Khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán nhận được giấy báo có kèm theo Sổ phụ của ngân hàng và tiến hành ghi nhận doanh thu, đồng thời ghi nhận giá vốn tương ứng.

Chứng từ sử dụng:

Hoá đơn GTGT (hoá đơn bán hàng)

Phiếu thu

Một số chứng từ khác có liên quan

Tài khoản sử dụng:

TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

TK 711: Thu nhập khác

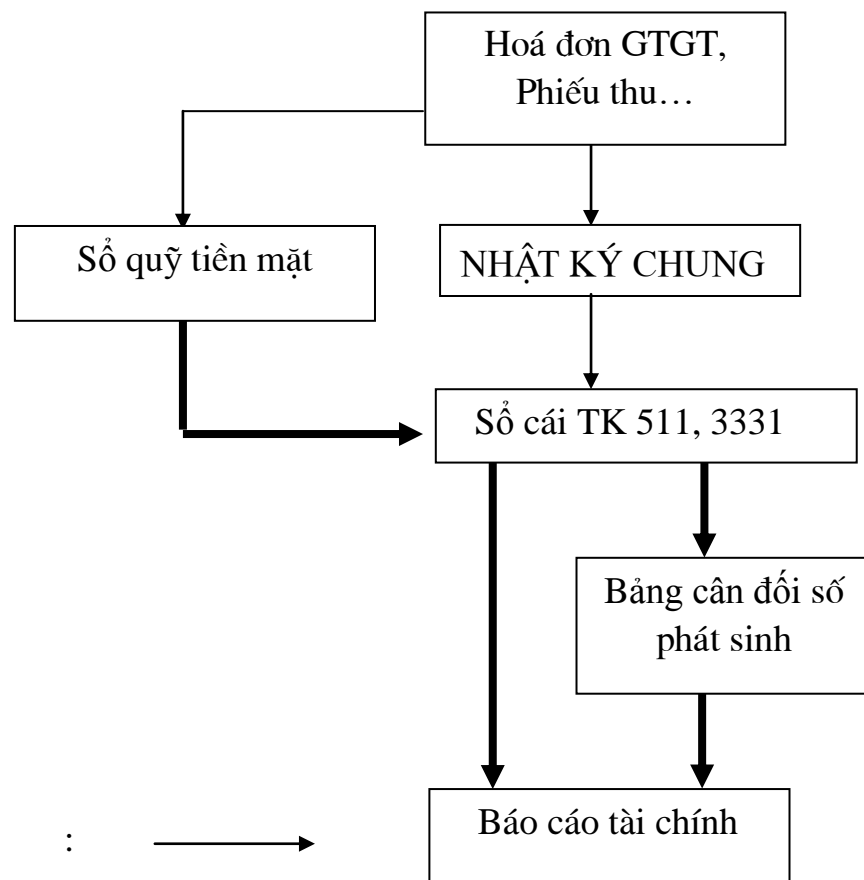
TK 111: Tiền mặt

TK 112: Tiền gửi ngân hàng

TK 3331: Thuế giá trị gia tăng phải nộp

Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Sơ đồ 2.4



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : \longrightarrow
 Ghi định kỳ : \longrightarrow

Ví dụ minh họa:

Ngày 09 tháng 12 năm 2009, công ty cho Công ty Cổ phần Công trình giao thông Hải Phòng thuê 01 xe ô tô (trọng tải 3,5 tấn) vận chuyển thiết bị từ Cầu Niệm đi Cảng Đoạn Xá. Tổng giá thanh toán chưa VAT là 1.995.000đ. Công ty công trình giao thông Hải Phòng thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ hợp đồng của nghiệp vụ phát sinh trên (Biểu 2.1), sau khi thanh lý hợp đồng, kế toán viết phiếu thu số 09 (Biểu 2.2), Hoá đơn GTGT Ký hiệu BT2009/T số 0030400 (Biểu 2.3). Kế toán vào sổ quỹ tiền mặt (Biểu 2.4) để phản ánh số tiền vận chuyển thu được, Sổ nhật ký chung (Biểu 2.5), Sổ cái TK 511 (Biểu 2.6), Sổ cái TK 333 (Biểu 2.7).

Biểu 2.1

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI &
DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG CÔNG LÝ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

===== @O@ =====

Hải Phòng, ngày 09 tháng 12 năm 2009

HỢP ĐỒNG THUÊ XE VẬN CHUYỂN

Chúng tôi gồm :

I - BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG HP

Địa chỉ : 708 Nguyễn Văn Linh

Điện thoại : 031.3878247

Đại diện Ông (bà) : Phạm Thị Hằng - Chức vụ: Phó giám đốc

**II - BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI & DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG
CÔNG LÝ**

Địa chỉ : Số 8 Trường Chinh - Kiến An - Hải Phòng

Điện thoại : 031.3878531

Đại diện Ông (bà) : **Đỗ Văn Lý** - Chức vụ: Giám đốc

Sau khi bàn bạc hai bên thống nhất ký hợp đồng thuê xe với những nội dung sau:

Bên B cho bên A thuê 01 xe ô tô 3,5 tấn.

Lộ trình : vận chuyển thiết bị từ Cầu Niệm đi Cảng Đoạn Xá

Thời gian: Từ 09 giờ, ngày 10 tháng 12 năm 2009 đến 15 giờ, ngày 10 tháng 12 năm 2009.

Địa điểm đón : Cảng Đoạn Xá

Mức cước phí : 1.995.000đ

Bằng chữ: Một triệu chín trăm chín mươi lăm ngàn đồng chẵn.

Trong đó bao gồm : thuế VAT 5% (dịch vụ vận tải thuế suất 10%)

Không bao gồm : tiền cầu, phà, phí đường bộ nếu có.

Bên B có trách nhiệm nhận và xếp hàng đúng địa điểm, đúng loại xe theo lộ trình đã thoả thuận với bên A như trong hợp đồng.

Bên A có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản cước phí thuê xe chậm nhất 05 ngày sau khi kết thúc chương trình.

Bên A đặt cọc trước : 500.000đ

Bằng chữ: Năm trăm ngàn đồng chẵn.

Còn lại : 1.495.000đ

Bằng chữ: Một triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn đồng chẵn.

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản trên, nếu bên nào vi phạm sẽ bị phạt 30% tổng giá trị hợp đồng. Nếu xảy ra tranh chấp sẽ giải quyết tại Tòa án nhân dân quận Kiến An .

Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Biểu 2.2

Đơn vị: CÔNG LÝ

Bộ phận:

Mã đơn vị SDNS

PHIẾUTHU

Ngày 09 tháng 12 năm 2009

Quyển số:

Số: 09/12

NỢ: 111

CÓ: 511,3331

Mẫu số 01 – TT

Theo QĐ số 15/2006/QĐ
BTC ngày 20 /03/2006

của Bộ trưởng BTC

Họ tên người nộp tiền: Nguyễn Thị Thuỷ

Địa chỉ: Công ty Cổ phần công trình giao thông hải phòng

Lý do chi: Tiền c- ớc vận chuyển

Số tiền: 2.094.750đ (Viết bằng chữ): Hai triệu không trăm chín mươi bốn ngàn bảy trăm năm mươi đồng chẵn.

Kèm theo 02 Chứng từ gốc HĐ Hợp đồng vận chuyển HD BT2009B/0030400

Ngày 09 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, Họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, Họ tên)

Người lập

(Ký, Họ tên)

Người nộp

(Ký, Họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, Họ tên)

Biểu 2.3

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT- 3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		BT/2009B			
Liên 3: Nội bộ		0030400			
Ngày 09 tháng 12 năm 2009					
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý					
Địa chỉ: Số 8 Trường Chinh, Kiến An, Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại: MST: 0200490707					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần công trình giao thông Hải Phòng					
Địa chỉ: Số 708 Nguyễn Văn Linh					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: TM			MST:		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 1x2
	C- ớc vận chuyển hàng				1.995.000đ
Cộng tiền hàng:					1.995.000 đ
Thuế suất GTGT:50% x 10%		Tiền thuế GTGT:		99.750 đ	
Tổng cộng tiền thanh toán:					2.094.750 đ
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu không trăm chín m- oi bốn ngàn bảy trăm năm m- oi đồng chẵn.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
Đỗ Công Lý					

BIỂU 2. 4(Trích sổ quỹ tiền mặt năm 2009)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ
MÔI TRƯỜNG CÔNG LÝ

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC ngày
19/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Tài khoản 111 - Tiền mặt

Năm 2009

Đơn vị: Đồng

Ngày	NT chứng từ	SH Chứng từ		Diễn giải	Số tiền		
		Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn
						
				Tháng 12/2009			31.061.924
2/12/09	2/12/09	PT1/12		Thu tiền hút vệ sinh bể phốt	2.400.000		33.461.924
3/12/09	3/12/09		PC1/12	Thanh toán tiền mua dầu Diesel		12.376.000	21.085.924
...
9/12/09	9/12/09	PT9/12		Thu tiền cước vận chuyển hàng	2.094.750		
31/12/09	31/12/09		PC10/12	Nộp tiền vào tài khoản		22.000.000	
...
31/12/09	31/12/09	PT13/12		Thu tiền cước vận chuyển tháng 12	80.850.000		
...
				Cộng số phát sinh	3.901.625.775	4.075.692.041	
				Dư cuối kỳ			89.747.471

Thủ quỹ

Kế toán trưởng

Giám đốc

BIỂU 2.5(Trích sổ nhật ký chung năm 2009)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG CÔNG LÝ

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC ngày 19/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

Đơn vị: Đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
....
12/1/09	PC2/1	12/01/2009	Thanh toán tiền mua lốp xe	154	111	5.070.000	5.070.000
			Thuế GTGT được khấu trừ	133	111	507.000	507.000
....
2/12/09	PT1/12	02/12/2009	Doanh thu hút vệ sinh bê phốt	111	511	2.400.000	2.400.000
			Thuế GTGT đầu ra	111	3331	-	-
....
9/12/09	PT9/12	09/12/2009	Doanh thu vận chuyển hàng	111	511	1.995.000	1.995.000
			Thuế GTGT đầu ra	111	3331	99.750	99.750
31/12/09	PC10/12	31/12/2009	Nộp tiền vào tài khoản	1121NA	111	22.000.000	22.000.000
....
31/12/09	PT13/12	31/12/2009	Doanh thu cước vận chuyển tháng 12	111	511	77.000.000	77.000.000
			Thuế GTGT đầu ra	111	3331	3.850.000	3.850.000
31/12/09	PKT15/12	31/12/2009	Kết chuyển doanh thu bán hàng T12	511	911	233.294.168	233.294.168

Cộng số phát sinh						18.408.793.483	18.408.793.483

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

BIỂU 2.6(Trích sổ cái TK 511 năm 2009)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ
MÔI TRƯỜNG CÔNG LÝ

SỔ CÁI

Tài khoản: 511 - Doanh thu hàng bán

Năm 2009

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu năm			
...
			Tháng 12/2009			
9/12/09	HĐ0030408	09/12/2009	Doanh thu vận chuyển hàng	111		1.995.000
15/12/09	HĐ0030409	15/12/2009	Doanh thu vận chuyển khách	131		32.095.239
16/12/09	HĐ0030410	16/12/2009	Doanh thu hút bể phốt	111		6.930.000
...
31/12/09	HĐ0030417	31/12/2009	Doanh thu cước vận chuyển tháng 12	111		77.000.000
31/12/09	PKT 15/12	31/12/2009	Kết chuyển doanh thu thuần T12	911	233.294.168	
			Cộng số phát sinh		1.795.963.075	1.795.963.075
			Dư cuối kỳ			

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

BIỂU 2.7(Trích sổ cái TK 3331năm 2009)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ MÔI
TRƯỜNG CÔNG LÝ

SỔ CÁI

Tài khoản: 3331 - Thuế giá trị gia tăng đầu ra

Năm 2009

Đơn vị: Đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
					
			Tháng 12/2009			
9/12/09	HĐ0030408	09/12/2009	Thuế GTGT phải nộp	111		99.750
15/12/09	HĐ0030409	15/12/2009	Thuế GTGT phải nộp	131		1.604.762
16/12/09	HĐ0030410	16/12/2009	Doanh thu hút bể phốt	111		-
...
31/12/09	HĐ0030417	31/12/2009	Thuế GTGT phải nộp	111		3.850.000
31/12/09	PKT 4/12	31/12/2009	Khấu trừ thuế GTGT	133	20.906.921	
			Cộng số phát sinh		104.574.464	104.574.464
			Dư cuối năm			

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.2 Kế toán chi phí tại công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý

2.2.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán

Nội dung của giá vốn hàng bán tại Công ty Công Lý

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Vì là công ty dịch vụ vừa và nhỏ nên công ty không tính giá vốn cho từng loại dịch vụ cũng không hạch toán vào các tài khoản chi tiết như TK 621, 622, 627 mà căn cứ vào các chứng từ gốc (hoá đơn GTGT, các chứng từ khác...) kế toán vào sổ chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (TK154). Cuối kỳ, số liệu được kết chuyển vào TK632 “Giá vốn hàng bán”. Cụ thể TK154 được chi tiết theo khoản mục chi phí như sau:

- Lương lái xe
- Xăng phục vụ kinh doanh
- Khấu hao TSCĐ hữu hình
- Chi phí vật tư sửa chữa
- Chi phí bến bãi điếm đỗ
- Chi phí bảo hiểm tài sản
- Chi phí công cụ dụng cụ
- Phí và lệ phí giao thông

Sau mỗi một nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, số liệu được tổng hợp lại và cuối kỳ kết chuyển sang TK632: Giá vốn hàng bán.

Chứng từ sử dụng:

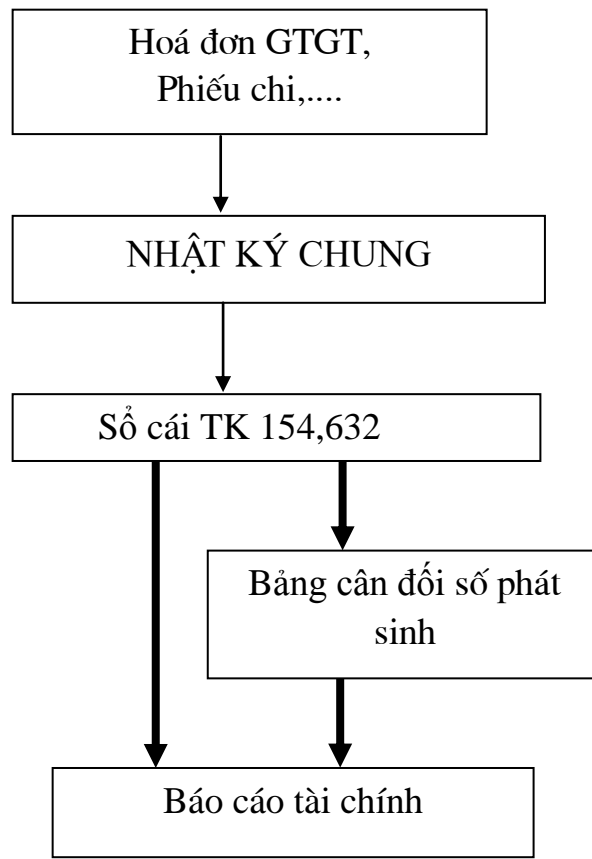
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, phiếu kế toán

Tài khoản sử dụng:

- TK 632: Giá vốn hàng bán
- TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán

Sơ đồ 2.6



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi định kỳ : \longrightarrow

Ví dụ minh họa:

Ngày 31 tháng 12 năm 2009, trích nhiên liệu cho bộ phận vận tải. Tổng số tiền là 88.650.000đ.

Căn cứ vào phiếu kế toán số 10/12 (Biểu 2.8), kế toán vào sổ nhật ký chung (Biểu 2.9) và sổ cái TK 154 (Biểu 2.10).

Biểu 2.8

Công ty CP vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số 10/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Trích nhiên liệu cho bộ phận vận tải	154	152	88.650.000
	Tổng			88.650.000

Viết bằng chữ: Tám mươi tám triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng chẵn.

Người lập
(chữ ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(chữ ký, họ tên)

Thủ trưởng
(chữ ký, họ tên)

BIỂU 2.9(Trích sổ nhật ký chung năm 2009)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH
VỤ MÔI TRƯỜNG CÔNG LÝ

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC ngày 19/09/2006 của
Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

Đơn vị: Đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
....
12/1/09	PC2/1	12/01/2009	Thanh toán tiền mua lớp xe	154	111	5.070.000	5.070.000
			Thuế GTGT được khấu trừ	133	111	507.000	507.000
....
2/12/09	PT1/12	02/12/2009	Doanh thu hút vệ sinh bề phốt	111	511	2.400.000	2.400.000
			Thuế GTGT đầu ra	111	3331	-	-
....
31/12/09	PKT10/12	31/12/2009	Trích nhiên liệu cho bp vận tải	154	152	88.650.000	88.650.000
31/12/09	PC10/12	31/12/2009	Nộp tiền vào tài khoản	112.1	111	22.000.000	22.000.000
....
31/12/09	PKT14/12	31/12/2009	Tập hợp chi phí vận tải T12	632	154	190.702.178	190.702.178

Cộng số phát sinh						18.408.793.483	18.408.793.483

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.10 (Trích sổ cái TK 154)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ
DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG CÔNG LÝ

SỔ CÁI

Tài khoản: 154 - Chi phí sản xuất dở dang
Năm 2009

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	CT	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		-	
...
			Tháng 12/2009			
31/12/09	PC15/12	31/12/2009	Thanh toán tiền dịch vụ bến	111	4.328.182	
31/12/09	PC17/12	31/12/2009	Thanh toán tiền vé cầu đường	111	1.980.000	
31/12/09	PC19/12	31/12/2009	Thanh toán tiền mua bảo hiểm xe oto	111	6.645.455	
...
31/12/09	PKT08/12	31/12/2009	Trích lương bộ phận vận tải	334	28.700.000	
31/12/09	PKT10/12	31/12/2009	Trích nhiên liệu bộ phận vận tải	152	88.650.000	
...
31/12/09	PKT14/12	31/12/2009	Tập hợp chi phí vận tải T12	632		190.702.178
			Cộng số phát sinh		1.592.957.538	1.592.957.538
			Dư cuối kỳ		-	

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Khi các chi phí đã được tập hợp lại trên TK 154. Cuối kỳ, kế toán kết chuyển từ TK 154 sang TK 632 để phản ánh giá vốn hàng bán. Tổng chi phí trong tháng 12 là 190.702.178đ.

Căn cứ vào phiếu kế toán số 14/12 (Biểu 2.11), kế toán vào nhật ký chung (Biểu 2.9) và sổ cái TK 632 (Biểu 2.12)

Biểu 2.11

Công ty CP vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số 14/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Tập hợp chi phí vận tải	632	154	190.702.178
	Tổng			190.702.178

Viết bằng chữ: Một trăm chín mươi triệu bảy trăm linh hai ngàn một trăm bảy mươi tám ngàn đồng chẵn.

Người lập

Kế toán trưởng

Thủ trưởng

(chữ ký, họ tên)

(chữ ký, họ tên)

(chữ ký, họ tên)

Biểu 2.12 (Trích sổ cái TK 632 năm 2009)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG CÔNG LÝ

SỔ CÁI

Tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán

Năm 2009

Đơn vị: Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu năm			-
.....
			Tháng 12/2009			
31/12/09	PKT14/12	31/12/2009	Tập hợp chi phí vận tải T12	154	190.702.178	
31/12/09	PKT16/12	31/12/2009	Kết chuyển giá vốn hàng bán T12	911		190.702.178
			Cộng số phát sinh		1.592.957.538	1.592.957.538
			Dư cuối năm			-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.2.2 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Nội dung

Do công ty thuộc loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ, nên chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh không nhiều, do vậy chỉ sử dụng TK642 để hạch toán cả hai loại chi phí này.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí phục vụ cho việc quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của công ty. Chi phí QLDN cao hay thấp đều ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của đơn vị. Vì vậy công ty phải giảm thiểu chi phí QLDN tới mức có thể góp phần làm tăng lãi.

Chứng từ sử dụng:

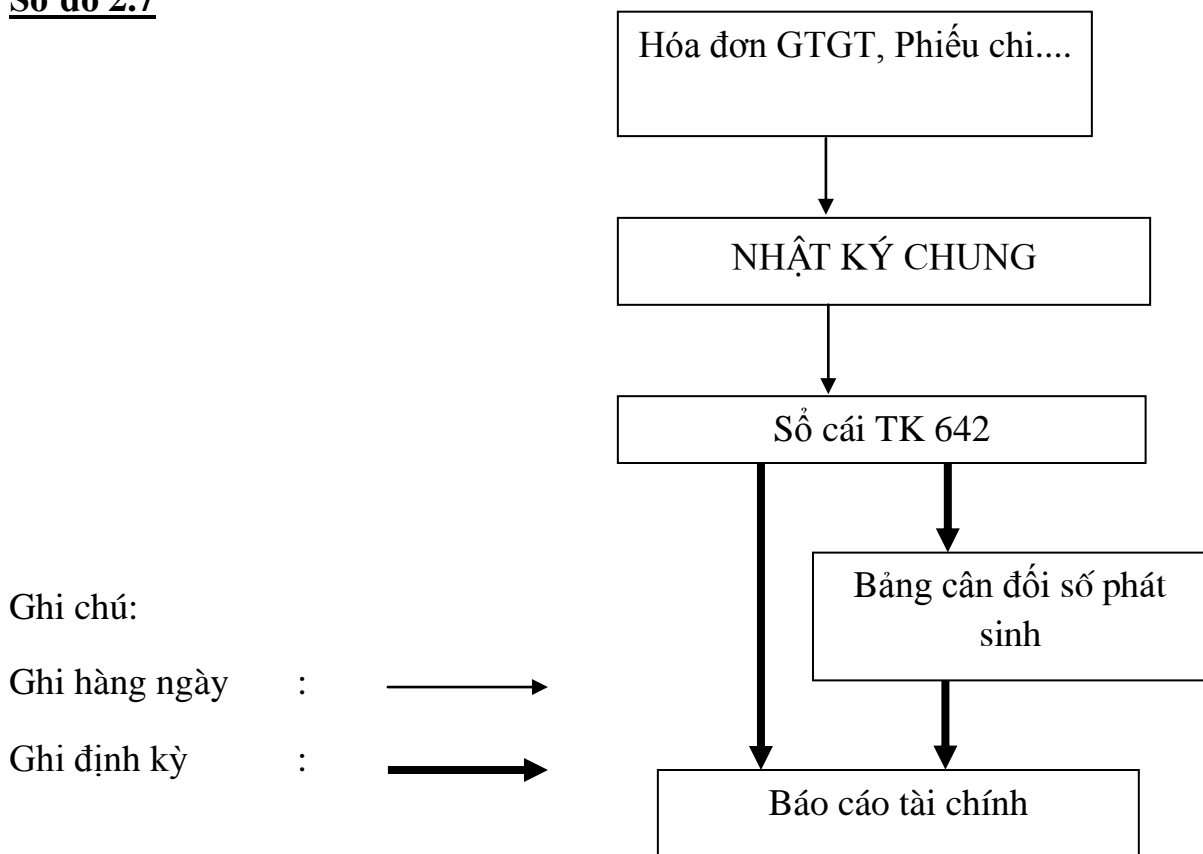
- Hóa đơn GTGT, Phiếu chi
- Bảng phân bổ tiền lương bộ phận văn phòng
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ cho bộ phận văn phòng...
- Phiếu kế toán

Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Quy trình hạch toán chi phí QLDN tại Công ty Công

Sơ đồ 2.7



Ví dụ minh họa

Ngày 30 tháng 12 năm 2009, thanh toán tiền cước dịch vụ điện thoại, số tiền 485.924đ

Biểu 2.13



HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG Mẫu số: 01GTKT-2LN-03

TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE Ký hiệu: AA/2009T

Liên 2: Giao khách hàng Số 037604

Mã số:

0	2
---	---

0	0	2	8	7	9	7
---	---	---	---	---	---	---

0	2	2
---	---	---

Viễn thông: Trung tâm DVKH – Viễn thông Hải Phòng
 Tên khách hàng: Công ty CP vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý
 MS: 0200490707
 Địa chỉ: Số 8 – Trường Chinh Kiến An – Hải Phòng
 Số điện thoại: 3878351 Mã số: HPG-02-005799 (H_KAN_94)
 Hình thức thanh toán:

DỊCH VỤ SỬ DỤNG	THÀNH TIỀN
KỲ HÓA ĐƠN THÁNG 12 NĂM 2009	
Doanh thu VNPT	485 924
Doanh thu VNPT không chịu thuế	
Khuyến mại + chiết khấu	
Doanh nghiệp khác	
Cộng tiền dịch vụ	485 924
Thuế suất GTGT: 10%= Tiền thuế VAT	48 592
Tổng cộng tiền thanh toán	534 516

Số tiền bằng chữ: Năm trăm ba mươi bốn ngàn năm trăm mười sáu đồng chẵn.

Ngày 30 tháng 12 năm 2009

Người nộp tiền

Nhân viên giao dịch

Biểu 2.14

Đơn vị: CÔNG LÝ

Quyển số: Mẫu số 02 – TT

Bộ phận:

Số: 14/12 Theo QĐ số 15/2006/QĐ
BTC ngày 20 /03/2006

Mã đơn vị SDNS

PHIẾU CHI

NỢ: 154,133

của Bộ trưởng BTC

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

CÓ: 111

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Thịnh

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi: Thanh toán tiền cước dịch vụ viễn thông

Số tiền : 534.516đ (*Viết bằng chữ*) Năm trăm ba mươi bốn ngàn năm trăm mười sáu đồng chẵn.

Kèm theo 01 Chứng từ gốc AA2009/T 037604

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán trưởng

Người lập

Người nhận

Thủ quỹ

(Ký, Họ tên)

(Ký, Họ tên)

(Ký, Họ tên)

(Ký, Họ tên)

(Ký, Họ tên)

BIỂU 2.15(Trích sổ nhật ký chung năm 2009)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ
DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG CÔNG LÝ

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC ngày 19/09/2006 của
Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

Đơn vị: Đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
....
31/8/09	PKT5/8	31/08/2009	Trích lương văn phòng	642	334	7.540.000	7.540.000
31/8/09	PC10/8	31/08/2009	Thanh toán tiền điện thoại tháng 8	642	111	475.897	475.897
....
31/10/09	PKT4/10	31/10/2009	Trích lương văn phòng	642	334	7.540.000	7.540.000
5/11/09	PC3/11	05/11/2009	Thanh toán tiền nợ gốc , lãi NH ĐB SCL	635	111	7.686.000	7.686.000
6/11/09	PT1/11	06/11/2009	Rút tiền NH Đông Nam Á về nhập quỹ	111	112NA	63.000.000	63.000.000
....
30/12/09	PC13/12	30/12/2009	Thanh toán tiền mua bảo hiểm oto	154	111	6.645.455	6.645.455
			Thuế GTGT đầu ra	133	111	664.545	664.545
30/12/09	PC14/12	30/12/2009	Thanh toán tiền cước dịch vụ điện thoại T12	642	111	485.924	485.924
			Thuế GTGT đầu ra	133	111	48.592	48.592

Cộng số phát sinh						18.408.793.483	18.408.793.483

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.16 (Trích sổ cái TK 642 năm 2009)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG CÔNG LÝ

SỔ CÁI

Tài khoản: 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp
Năm 2009

Đơn vị: Đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu năm		-	
....
			Tháng 12/2009			
10/12/09	PC5/12	10/12/2009	Nộp tiền lệ phí đăng ký xe ô tô 16M 3537	111	150.000	
30/12/09	PC11/12	30/12/2009	Thanh toán tiền mua hóa đơn	111	30.400	
30/12/09	PC14/12	30/12/2009	Thanh toán tiền cước dịch vụ điện thoại	111	485.924	
31/12/09	GBN	31/12/2009	Ngân hàng thu phí GD	112NA	663.977	
31/12/09	PKT8/12	31/12/2009	Trích lương văn phòng	334	7.540.000	
31/12/09	PKT13/12	31/12/2009	Trích khấu hao - Xe ô tô 5 chỗ TOYOTA COROLLA	214	4.886.401	
31/12/09	PKT17/12	31/12/2009	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp T12	911		13.756.702
			Cộng số phát sinh		111.950.780	111.950.780
			Dư cuối năm			

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.3 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

2.2.3.1 Kế toán doanh thu tài chính

Nội dung

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Đối với Công ty Công Lý doanh thu hoạt động tài chính của công ty chủ yếu là từ số tiền lãi từ số dư tài khoản hoặc số tiền khách hàng trả qua ngân hàng mà chưa rút ngay về quỹ công ty.

Chứng từ sử dụng

Giấy báo có của ngân hàng

Phiếu thu

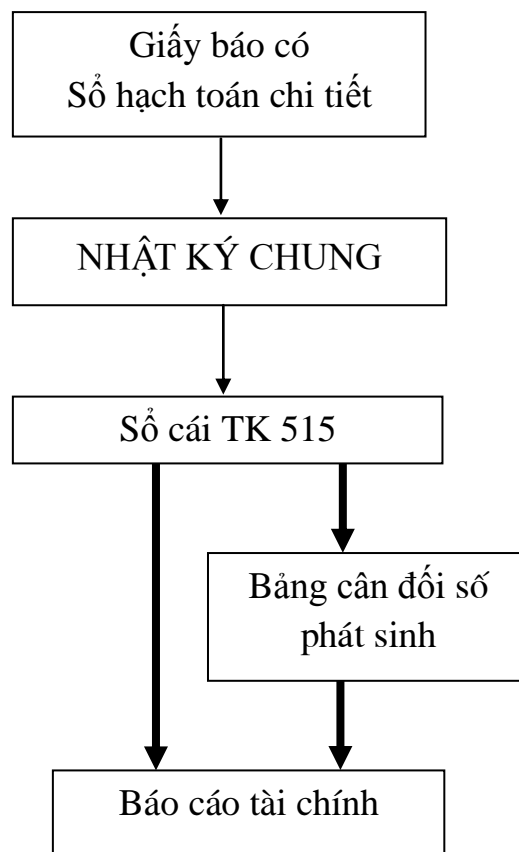
Tài khoản sử dụng

Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính.

Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

Hàng ngày kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán có liên quan để ghi sổ Nhật ký chung, đồng thời kế toán ghi sổ cái TK 515.

Sơ đồ 2.8



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : →

Ghi định kỳ : →

Ví dụ minh họa

Ngày 25/12/2009, công ty nhận được Giấy báo có của ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội về lãi tiền gửi được hưởng, số tiền 30.366đ.

Kế toán căn cứ vào Giấy báo có của ngân hàng (Biểu 2.17), kèm theo Sổ hạch toán chi tiết (Biểu 2.18) để ghi sổ Nhật ký chung (Biểu 2.19), đồng thời kế toán ghi sổ cái TK 515 (Biểu 2.20)

Biểu 2.18

Ngân hàng TMCP Quân Đội

SỔ HẠCH TOÁN CHI TIẾT

Ngày 25/12/2009

Tài khoản: 2531100155004

Loại tiền: VND

Khách hàng: 142373 CTCP VT VÀ DV MÔI TRƯỜNG CÔNG LÝ

Số dư đầu ngày: 13,287,155

<i>Số giao dịch</i>	<i>Nợ/Có</i>	<i>Phát sinh nợ</i>	<i>Phát sinh có</i>
2531100155004-20081225	C	0.00	30,366
	Tổng phát sinh:	0.00	30,366
	Số dư cuối ngày:	13,317,521	

Ngày 25/12/2009

Người lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

Biểu 2.17

Ngân hàng TMCP Quân Đội

Mã GDV: BATCH

Mã KH: 142373

GIẤY BÁO CÓ

Số GD: 0

Ngày 25/12/2009

Kính gửi: CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG CÔNG LÝ

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi CÓ : 011770

Số tiền bằng số : **30.366**

Số tiền bằng chữ : Ba mươi ngàn ba trăm sáu mươi sáu đồng chẵn.

Nội dung: ## LÃI NHẬP GỐC ##

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

BIỂU 2.19(Trích sổ nhật ký chung năm 2009)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ
DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG CÔNG LÝ

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC ngày
19/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

Đơn vị: Đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
....
31/8/09	PKT5/8	31/08/2009	Trích lương văn phòng	642	334	7.540.000	7.540.000
31/8/09	PC10/8	31/08/2009	Thanh toán tiền điện thoại tháng 8	642	111	475.897	475.897
....
5/11/09	PC3/11	05/11/2009	Thanh toán tiền nợ gốc , lãi NH ĐB SCL	635	111	7.686.000	7.686.000
6/11/09	PT1/11	06/11/2009	Rút tiền NH ĐNA về nhập quỹ	111	112NA	63.000.000	63.000.000
....
25/12/09	GBC	25/12/2009	Nhân lãi tiền gửi NH Quân Đội	112QD	515	30.366	30.366
30/12/09	PC13/12	30/12/2009	Thanh toán tiền mua bảo hiểm oto	154	111	6.645.455	6.645.455
			Thuế GTGT đầu ra	133	111	664.545	664.545

Cộng số phát sinh						18.408.793.483	18.408.793.483

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.20 (Trích sổ cái TK 515 năm 2009)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ
DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG CÔNG LÝ

SỔ CÁI

Tài khoản: 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Năm 2009

Đơn vị: Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	CT	Ngày tháng			Nợ	Có
			Dư đầu năm			-
....
			Tháng 12/2009			
25/12/09	GBC	25/12/2009	Nhận lãi tiền gửi NH Quân Đội	112QD		30.366
31/12/09	GBC	31/12/2009	Lãi tiền gửi NH ĐB SCL	112CL		1.033.200
31/12/09	GBC	31/12/2009	Lãi tiền gửi NH Đông Nam Á	112NA		20.543
31/12/09	PKT18/12	31/12/2009	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính T12	911	1.084.109	
			Cộng số phát sinh		1.307.251	1.307.251
			Dư cuối năm			-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.3.2 Kế toán chi phí tài chính

Nội dung

Đây là tài khoản phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính như: chi phí đi vay vốn và các khoản chi phí tài chính khác... Chi phí tài chính của công ty là những khoản lãi và gốc phải trả ngân hàng từ các khoản vay.

Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Sổ phụ
- Phiếu chi

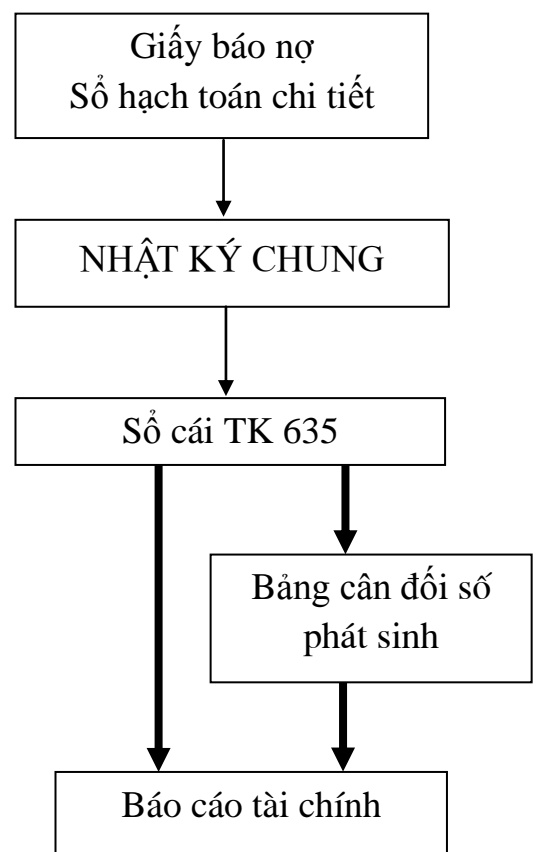
Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 635: Chi phí tài chính

Quy trình hạch toán chi phí tài chính tại công ty Công Lý

Hàng ngày kế toán căn cứ các chứng từ kế toán có liên quan để ghi sổ Nhật ký chung, đồng thời kế toán ghi sổ cái TK 635.

Sơ đồ 2.9



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : →
 Ghi định kỳ →

Ví dụ minh họa

Ngày 29/12/2009 trả lãi Ngân hàng TMCP Quân Đội số tiền 3.047.236đ

Biểu 2.21

Ngân hàng TMCP Quân đội		
CN Ngô Quyền		
GIẤY BÁO NỢ		
Ngày: 29/12/2009	Số chứng từ: 80481179924.000001	
Mã giao dịch: LD0734100059	Nguyên tệ: VND	
Khách hàng: CTYCPVT VA DVMT CONG LY		
Tài khoản Nợ 2531100155004	Số tiền: 3.047.236	
CTYCPVT VA DVMT CONG LY		
Tài khoản Có LD0734100059	Số tiền : 3.047.236	
CTYCPVT VA DVMT CONG LY		
<i>Số tiền bằng chữ</i>		
<i>Ba triệu không trăm bốn mươi bảy ngàn hai trăm ba mươi sáu đồng.</i>		
Diễn giải: Thu gốc		
Lập biểu	Kiểm soát	Giám đốc

BIỂU 2.22(Trích sổ nhật ký chung năm 2009)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ
DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG CÔNG LÝ

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC ngày
19/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

Đơn vị: Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
....
31/1/09	PT7/11	31/01/2009	Doanh thu cước vận chuyển	111	511	43.000.000	43.000.000
			Thuế GTGT được khấu trừ	111	3331	2.150.000	2.150.000
....
25/8/09	PC12/8	25/08/2009	Thanh toán tiền mua dầu diesel	152	111	16.668.573	16.668.573
			Thuế GTGT đầu ra	133	111	1.632.327	1.632.327
....
29/12/09	GBN	29/12/2009	Trả lãi Ngân hàng TMCP Quân Đội	635	112QD	3.047.236	3.047.236
31/12/09	PKT12/12	31/12/2009	Kết chuyển chi phí tài chính T12	911	635	9.948.286	9.948.286

Cộng số phát sinh						18.408.793.483	18.408.793.483

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.23 (Trích sổ cái TK 635 năm 2009)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH
VỤ MÔI TRƯỜNG CÔNG LÝ

SỔ CÁI

Tài khoản: 635 – Chi phí tài chính
Năm 2009

Đơn vị: Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu năm		-	
...
			Tháng 12/2009			
3/12/09	GBN	03/12/2009	Trả nợ NH DNA	1121	93.450	
24/12/09	PC6/12	24/12/2009	Trả nợ gốc lãi NHDBSCL	111	6.807.600	
29/12/09	GBN	29/12/2009	Trả lãi Ngân hàng TMCPQĐ	112QD	3.047.236	
31/12/09	PKT12/12	31/12/2009	Kết chuyển chi phí tài chính T12	911		9.948.286
			Cộng số phát sinh		212.401.185	212.401.185
			Dư cuối năm		-	

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.4 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

Nội dung:

Thu nhập khác và chi phí khác của công ty chủ yếu phát sinh từ các hoạt động thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.

Chứng từ sử dụng:

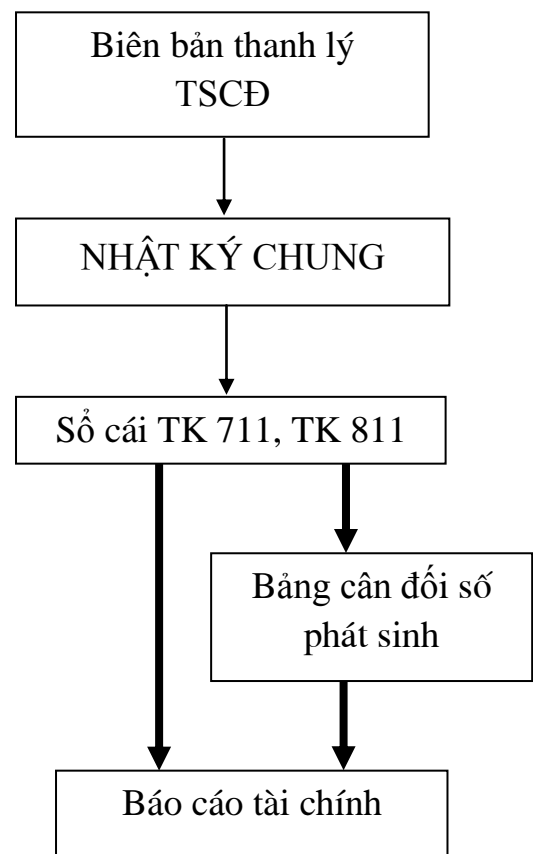
- Biên bản thanh lý tài sản cố định
- Phiếu kế toán

Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 711: Thu nhập khác
- Tài khoản 811: Chi phí khác

Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác tại công ty Công Lý

Sơ đồ 2.10



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : →
 Ghi định kỳ →

Ví dụ minh họa: Ngày 31 tháng 12 năm 2009, nhượng bán xe ô tô tải biển kiểm soát 16H – 3994 (Số khung: 4AF078768, Số máy: FPYC125564, Trọng tải 2,5 tấn), số tiền thu được là 120.000.000đ (chưa VAT 5%). Công ty đã nhận bằng tiền gửi ngân hàng.

CTY CP VẬN TẢI VÀ DVMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

CÔNG LÝ

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 106/BBTLTSCĐ

BIÊN BẢN THANH LÝ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

- Căn cứ thông tư số 37/TT/TCKT ngày 25/2/1994 của Bộ Trưởng Bộ GTVT về việc hướng dẫn chế độ thanh lý TSCĐ trong ngành GTVT.
- Căn cứ kế hoạch thanh lý TSCĐ của Cty Cổ phần vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý.
- Căn cứ quyết định số: 12 ngày 01 tháng 12 năm 2009.

Nay thành lập hội đồng thanh lý gồm:

Ông: Đỗ Văn Lý	Chức vụ: Giám đốc công ty
Bà: Nguyễn Thị Luyên	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông: Nguyễn Hữu Đại	Chức vụ: Thanh tra

Đã tiến hành thị sát xem xét cụ thể:

Tên TSCĐ: xe ô tô tải 2,5 tấn. Số hiệu ghi TSCĐ: BKS 16H - 3994

Qui cách: xe tải Đặc điểm: màu sơn trắng

Số khung: 4AF078768 Số máy: FPYC125564

Khấu hao cơ bản đã tính đến ngày: 31/12/2009

Đưa vào sử dụng: 2002

Đã sửa chữa lớn: 02 lần, Số tiền: 30.000.000

1/ Trạng thái kỹ thuật: bình thường

2/ Nguyên nhân thanh lý: đổi mới nâng cao chất lượng xe.

3/ Giá trị còn lại: 23.414.873đ

4/ Giá trị thu hồi: 120.000.000đ

Kết luận và kiến nghị của Hội đồng: đồng ý thanh lý xe ô tô tải BKS 16H - 3994

THANH TRA

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Biểu 2.24

Công ty CP vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý				
PHIẾU KẾ TOÁN				
Ngày 31 tháng 12 năm 2009				
Số: 9/12				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Xóa số TSCĐ	811		23.414.873
		214		40.089.887
			211	63.504.760
2	Khoản thu về thanh lý TSCĐ	111		
			711	120.000.000
			3331	6.000.000
	Cộng			

Người lập <i>(chữ ký, họ tên)</i>	Kế toán trưởng <i>(chữ ký, họ tên)</i>	Thủ trưởng <i>(chữ ký, họ tên)</i>
--------------------------------------	---	---------------------------------------

BIỂU 2.25(Trích sổ nhật ký chung năm 2009)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ
DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG CÔNG LÝ

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC ngày
19/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

Đơn vị: Đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
....
31/1/09	PT7/11	31/01/2009	Doanh thu cước vận chuyển	111	511	43.000.000	43.000.000
			Thuế GTGT được khấu trừ	111	3331	2.150.000	2.150.000
....
25/8/09	PC12/8	25/08/2009	Thanh toán tiền mua dầu diesel	152	111	16.668.573	16.668.573
			Thuế GTGT đầu ra	133	111	1.632.327	1.632.327
....
31/12/09	PKT09/12	31/12/2009	Xóa sổ NG TSCĐ	811	211	23.414.873	23.414.873
				214	211	40.089.887	40.089.887
			Số thu về từ thanh lý TSCĐ	111	711	120.000.000	120.000.000
				111	3331	6.000.000	6.000.000

Cộng số phát sinh						18.408.793.483	18.408.793.483

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.26 (Trích sổ cái TK 711 năm 2009)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH
VỤ MÔI TRƯỜNG CÔNG LÝ

SỔ CÁI

Tài khoản: 711 - Thu nhập khác
Năm 2009

Đơn vị: Đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			-
....
			Tháng 12/2009			
31/12/09	PT3/12	31/12/2009	Tiền thu được từ nhượng bán xe 16H 3994	111		120.000.000
31/12/09	PKT9/12	31/12/2009	Kết chuyển thu nhập khác T12	911	120.000.000	
			Cộng số phát sinh		513.040.736	513.040.736
			Dư cuối kỳ			-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.27 (Trích sổ cái TK 811 năm 2009)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ
DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG CÔNG LÝ

SỔ CÁI

Tài khoản: 811 - Chi phí khác
Năm 2009

Đơn vị: Đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			-
...
			Tháng 12/2009			
31/12/09	PKT9/12	31/12/2009	Xóa sổ nguyên giá TSCĐ	211	23.414.873	
31/12/09	PKT9/12	31/12/2009	Kết chuyển chi phí khác T12	911		23.414.873
			Cộng số phát sinh		413.891.064	413.891.064
			Dư cuối kỳ			-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.5 Kế toán xác định kết quả doanh thu

Nội dung:

- Kết quả kinh doanh là chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Kết quả kinh doanh được xác định là chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí trong kỳ.

- Kế toán sử dụng TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

- Phương pháp hạch toán như sau:

Căn cứ để xác định kết quả kinh doanh là tổng số phát sinh bên Có cuối năm của các TK 511, TK 515, TK 711 và tổng số phát sinh bên Nợ cuối năm của các TK 632, TK 642, TK 635, TK 811.

Cuối năm, tổng số phát sinh bên Có của các TK 511, TK 515, TK 711 được kết chuyển vào bên Có TK 911 và tổng số phát sinh bên Nợ các TK 632, TK 642, TK 635, TK 811 được kết chuyển vào bên Nợ TK 911. Sau khi bù trừ hai bên Nợ – Có trên TK 911, kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty như sau:

▣ Nếu tổng số tiền bên Nợ TK 911 lớn hơn tổng số tiền bên Có, tức trong năm kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì kế toán kết chuyển phần chênh lệch bên Nợ TK 421.

Nợ TK 421

Có TK 911

▣ Nếu tổng số tiền bên Nợ TK 911 nhỏ hơn tổng số tiền bên Có, tức trong năm kết quả kinh doanh của Công ty có lãi. Kế toán tính thuế TNDN phải nộp Nhà nước như sau:

- Xác định thu nhập chịu thuế: SPS bên CÓ TK 911 – SPS bên NỢ TK 911
- Thuế TNDN phải nộp = thu nhập chịu thuế x thuế suất thuế TNDN.
- Khi xác định được số thuế thu nhập phải nộp, kế toán căn cứ vào số thuế thu nhập doanh nghiệp đã trích nộp đầu các quý để tính số thuế thu nhập phải nộp hay được ghi giảm.

Sau khi tính được số thuế thu nhập phải nộp, kế toán thực hiện kết chuyển chi phí thuế TNDN sang bên Nợ TK 911. Từ đó xác định số lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp để kết chuyển sang bên CÓ TK 421 – Lợi nhuận sau thuế.

Chứng từ sử dụng:

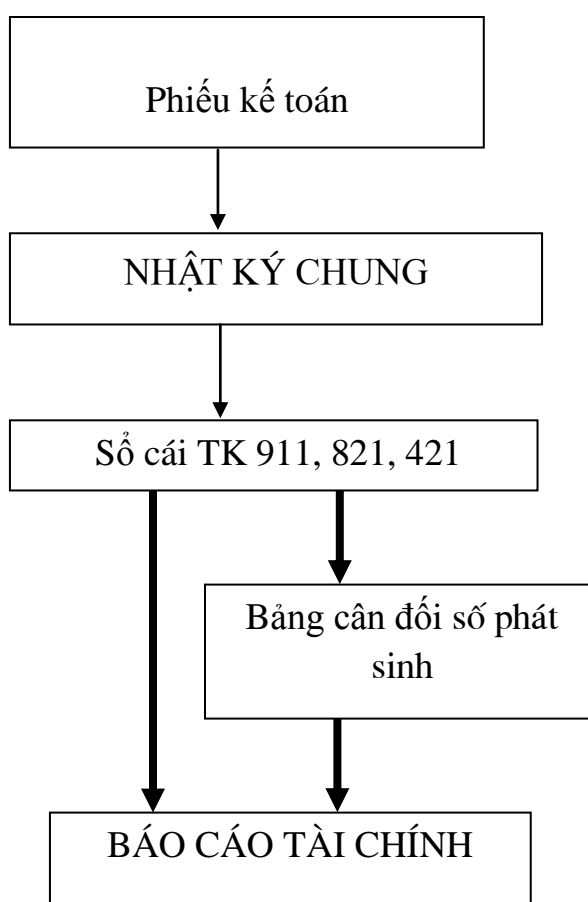
- Phiếu kế toán

Tài khoản sử dụng:

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối.

Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty Công Lý.

Sơ đồ 2.11



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi định kỳ \longrightarrow

Từ thực tế các NVKTPS trên.....:

Cuối năm 2009, công ty cổ phần vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

Sau khi thực hiện các bút toán kết chuyển ta có:

Tổng số phát sinh bên Có TK 911:

Kết chuyển doanh thu gồm: doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác.

Nợ TK 511	: 1.795.963.075
Nợ TK 515	: 1.307.251
Nợ TK 711	: 513.040.736
Có TK 911	: 2.310.311.062

Tổng số phát sinh bên Nợ TK 911:

Kết chuyển chi phí gồm: giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác.

Nợ TK 911	: 2.543.601.752
Có TK 632	: 1.592.957.538
Có TK 635	: 212.401.185
Có TK 811	: 413.891.064
Có TK 642	: 111.950.780

$$\begin{aligned}
 \rightarrow \text{Kết quả kinh doanh} &= \text{Doanh thu} - \text{Chi phí} \\
 &= 2.310.311.062 - 2.331.200.567 \\
 &= (20.889.505)
 \end{aligned}$$

Các căn cứ ghi số:

Biểu 2.28: Phiếu kế toán số 15

Công ty CP vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Số: 15/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu thuần	511	911	1.795.963.075
	Cộng			1.795.963.075

Người lập Kế toán trưởng Thủ trưởng
(chữ ký, họ tên) *(chữ ký, họ tên)* *(chữ ký, họ tên)*

Biểu 2.29: Phiếu kế toán số 18

Công ty CP vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Số: 18/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	1.307.251
	Cộng			1.307.251

Người lập Kế toán trưởng Thủ trưởng
(chữ ký, họ tên) *(chữ ký, họ tên)* *(chữ ký, họ tên)*

Biểu 2.30: Phiếu kế toán số 20

Công ty CP vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Số: 20/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển thu nhập khác	711	911	513.040.736
	Cộng			513.040.736

Người lập Kế toán trưởng Thủ trưởng
(chữ ký, họ tên) *(chữ ký, họ tên)* *(chữ ký, họ tên)*

Biểu 2.31: Phiếu kế toán số 16

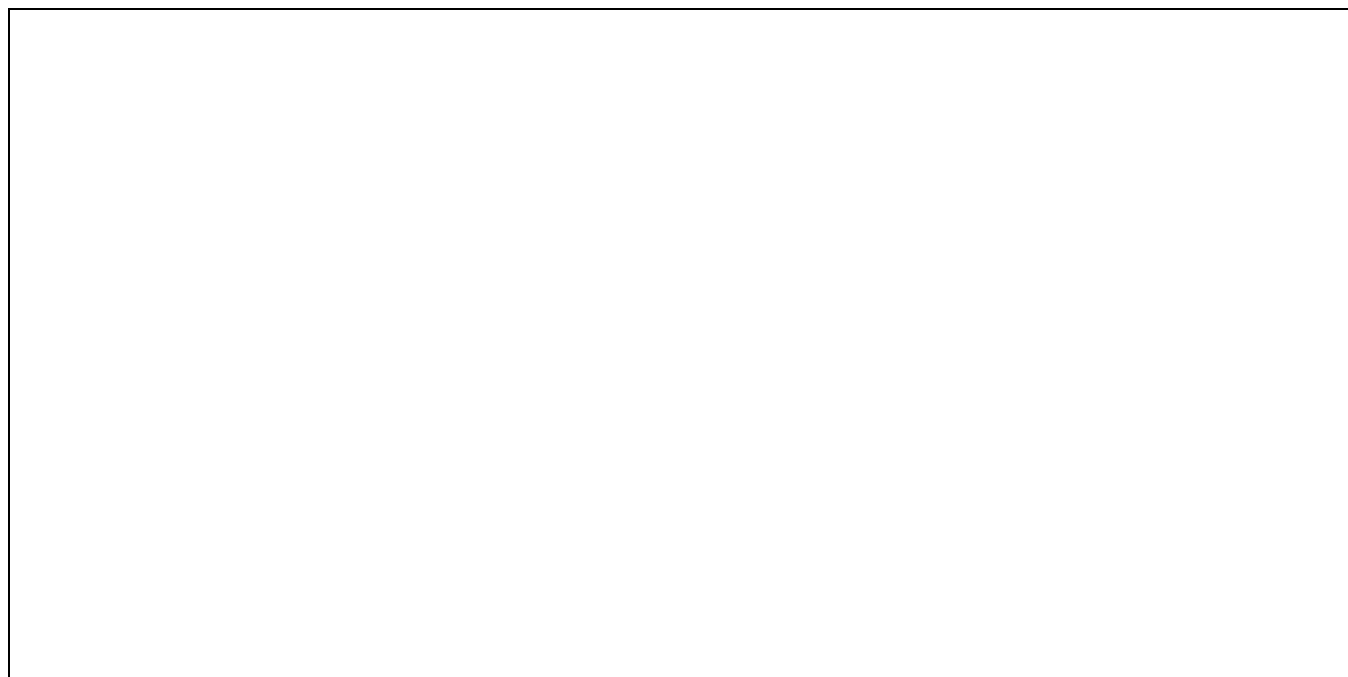
Công ty CP vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Số: 16/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	1.592.957.538
	Cộng			1.592.957.538

Người lập Kế toán trưởng Thủ trưởng
(chữ ký, họ tên) *(chữ ký, họ tên)* *(chữ ký, họ tên)*



Biểu 2.32: Phiếu kế toán số 17

Công ty CP vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý				
PHIẾU KẾ TOÁN				
			Ngày 31 tháng 12 năm 2009	
			Số: 17/12	
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí QLDN	911	642	111.950.780
	Cộng			111.950.780
Người lập <i>(chữ ký, họ tên)</i>		Kế toán trưởng <i>(chữ ký, họ tên)</i>		Thủ trưởng <i>(chữ ký, họ tên)</i>

Biểu 2.33: Phiếu kế toán số 19

Công ty CP vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số: 19/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	212.401.185
	Cộng			212.401.185

Người lập
(chữ ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(chữ ký, họ tên)

Thủ trưởng
(chữ ký, họ tên)

Biểu 2.34: Phiếu kế toán số 21

Công ty CP vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số: 21/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí khác	911	811	413.891.064
	Cộng			413.891.064

Người lập
(chữ ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(chữ ký, họ tên)

Thủ trưởng
(chữ ký, họ tên)

Đồng thời kế toán kết chuyển kết quả cung cấp dịch vụ về tài khoản lợi nhuận chưa phân phối.

- Doanh nghiệp bị lỗ

Nợ TK 421 : 20.889.505

Có TK 911: 20.889.505

Biểu 2.35: Phiếu kế toán số 22

Công ty CP vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý				
PHIẾU KẾ TOÁN				
Ngày 31 tháng 12 năm 2009				
Số: 22/12				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển lỗ	421	911	20.889.505
	Cộng			20.889.505
Người lập <i>(chữ ký, họ tên)</i>		Kế toán trưởng <i>(chữ ký, họ tên)</i>		Thủ trưởng <i>(chữ ký, họ tên)</i>

BIỂU 2.36(Trích sổ nhật ký chung năm 2009)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG CÔNG LÝ

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC ngày 19/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

Đơn vị: Đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
....
31/12/09	PKT 15/12	31/12/2009	Kết chuyển doanh thu	511	911	1.795.963.075	1.795.963.075
31/12/09	PKT 16/12	31/12/2009	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	1.592.957.538	1.592.957.538
31/12/09	PKT 17/12	31/12/2009	Kết chuyển chi phí QLDN	911	642	111.950.780	111.950.780
31/12/09	PKT 18/12	31/12/2009	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	1.307.251	1.307.251
31/12/09	PKT 19/12	31/12/2009	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	212.401.185	212.401.185
31/12/09	PKT 20/12	31/12/2009	Kết chuyển thu nhập khác	711	911	513.040.736	513.040.736
31/12/09	PKT 21/12	31/12/2009	Kết chuyển chi phí khác	911	811	413.891.064	413.891.064
31/12/09	PKT 22/12	31/12/2009	Kết chuyển lỗ	421	911	20.889.505	20.889.505
Cộng số phát sinh						18.408.793.483	18.408.793.483

Biểu 2.37 (Trích sổ cái TK 911 năm 2009)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG CÔNG LÝ

SỔ CÁI

Tài khoản: 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Năm 2009

Đơn vị: Đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			-
...
31/12/09	PKT15/12	31/12/2009	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		1.795.963.075
31/12/09	PKT16/12	31/12/2009	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	1.592.957.538	
31/12/09	PKT17/12	31/12/2009	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	111.950.780	
31/12/09	PKT18/12	31/12/2009	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		1.307.251
31/12/09	PKT19/12	31/12/2009	Kết chuyển chi phí tài chính	635	212.401.185	
31/12/09	PKT20/12	31/12/2009	Kết chuyển thu nhập khác	711		513.040.736
31/12/09	PKT21/12	31/12/2009	Kết chuyển chi phí khác	811	413.891.064	
31/12/09	PKT22/12	31/12/2009	Kết chuyển lỗ	421		20.889.505
			Cộng số phát sinh		2.532.525.708	2.532.525.708
			Dư cuối kỳ			-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu 2.38 (Trích sổ cái TK 421 năm 2009)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ
MÔI TRƯỜNG CÔNG LÝ

SỔ CÁI

Tài khoản: 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

Năm 2009

Đơn vị: Đồng

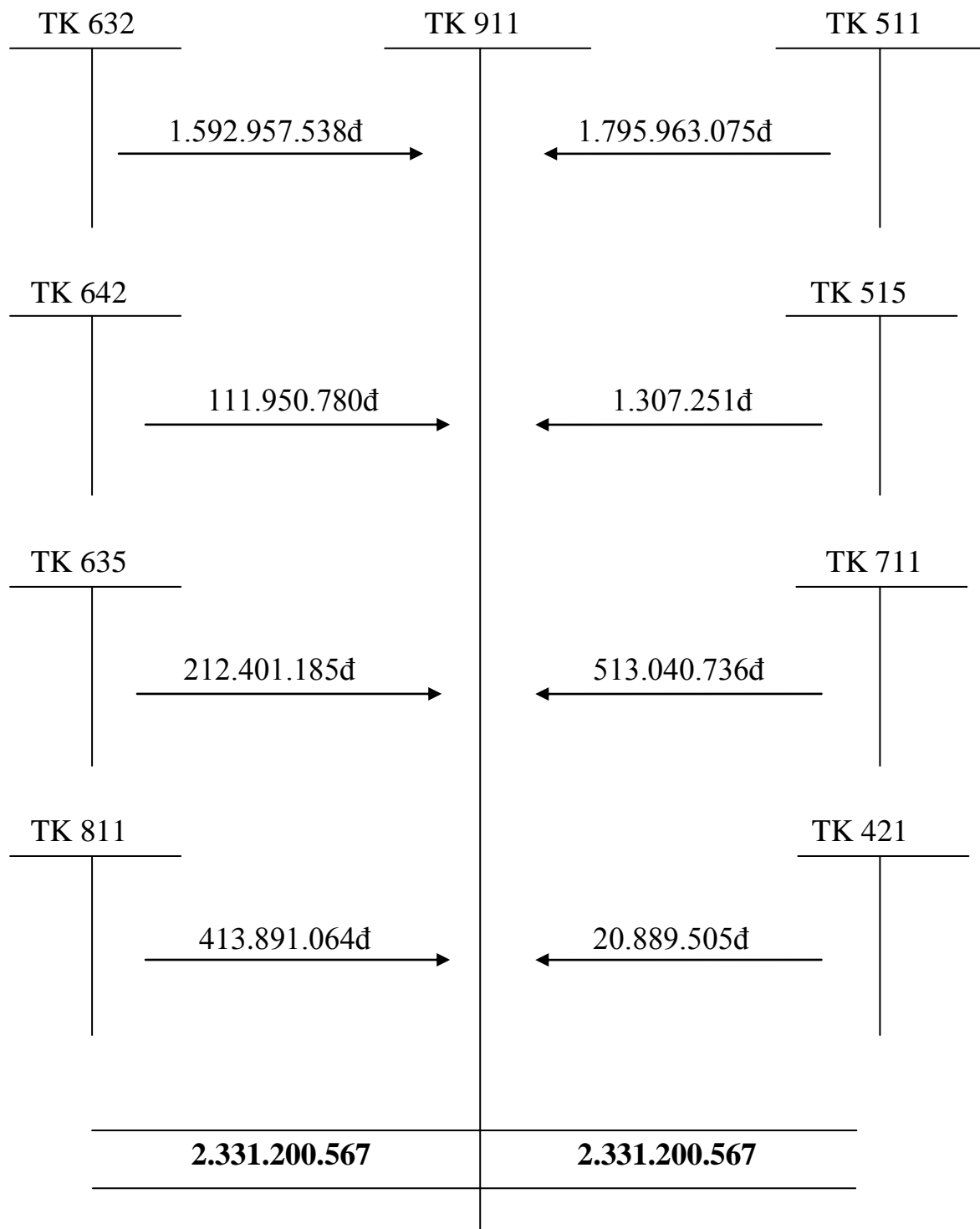
Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			6.171.428
...
31/12/09	PKT 22/12	31/12/2009	Kết chuyển lỗ	911	20.889.505	
			Cộng số phát sinh		224.779.191	198.949.686
			Dư cuối kỳ		19.658.077	

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Sơ đồ: 2.12



Biểu 2.39

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ
MÔI TRƯỜNG CÔNG LÝ

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	1.795.963.075	1.699.447.306
2. Các khoản giảm trừ trong doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.795.963.075	1.699.447.306
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	1.592.957.538	1.589.392.275
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		203.005.537	110.055.031
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1.307.251	36.647
7. Chi phí tài chính	22		212.401.185	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		111.950.780	101.520.250
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		(120.039.177)	8.571.428
11. Thu nhập khác	31		513.040.736	157.142.857
12. Chi phí khác	32		413.891.064	157.142.857
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		99.149.672	0
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(20.889.505)	8.571.428
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30		2.142.857
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(20.889.505)	6.428.571
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG CÔNG LÝ

3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý

Là một doanh nghiệp vừa và nhỏ, với 8 năm hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ, Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý đã có chỗ đứng nhất định trên thị trường bằng những dịch vụ hoàn hảo, có uy tín cao, giá thành hợp lý, luôn đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng. Có được thành quả như hôm nay phải kể đến sự nhạy bén, linh hoạt trong công tác quản lý cũng như sự phối hợp chặt chẽ giữa ban Giám đốc và các phòng ban cùng toàn thể các nhân viên trong Công ty. Với mục tiêu xây dựng Công ty luôn đứng vững trên thị trường, ngày càng phát triển và quan trọng hơn là không ngừng nâng cao đời sống của công nhân viên.

Năm 2009, do sự suy thoái của nền kinh tế Thế giới và sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp, các lĩnh vực kinh tế khác nhau, nhiều công ty không đứng vững dẫn đến phá sản, giải thể. Do nhận thức kịp thời chuyển động của nền kinh tế và phân tích đúng đắn nhu cầu thị trường, công ty đã có những phương hướng, những giải pháp kinh tế hiệu quả khắc phục những khó khăn và phát huy thế mạnh của mình.

Bên cạnh việc đưa ra những giải pháp và có bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý Công ty đã xây dựng được công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng đáp ứng được những yêu cầu thực tiễn trong quá trình hoạt động của Công ty và trở thành một bộ phận quan trọng trong hệ thống các công cụ quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp.

Dưới góc độ là một sinh viên thực tập, lần đầu tiên có cơ hội đối chiếu giữa lý thuyết đã học tại trường vào thực tế, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét đánh giá về những ưu điểm mà Công ty đã đạt được cũng như những tồn tại cần tiếp tục hoàn thiện trong tổ chức công tác kế toán nói chung và trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý.

3.1.1 Ưu điểm

Thứ nhất: Về tổ chức bộ máy quản lý

Để điều hành sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao và quản lý quá trình kinh doanh dịch vụ đòi hỏi bộ máy quản lý hợp lý, gọn nhẹ góp phần làm giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất. Do đó Công ty tổ chức bộ máy quản lý theo cơ cấu trực tuyến – chức năng.

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty tương đối gọn nhẹ, các phòng ban, bộ phận có quan hệ chặt chẽ với nhau trong công tác thực hiện kế hoạch kinh doanh. Từng nhân viên trong công ty được gắn bó vào các công việc chuyên biệt, điều đó cho phép họ tích lũy được kinh nghiệm phát huy được năng lực sở trường để thực hiện công việc có hiệu quả cao.

Thứ hai: Về tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung phù hợp với đặc điểm của Công ty cũng như trình độ chuyên môn của kế toán viên. Việc áp dụng phương pháp này đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất, kiểm tra cung cấp thông tin một cách kịp thời, thuận lợi trong công tác phân công công việc. Đồng thời, do tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ nên tiết kiệm được chi phí hạch toán.

Việc phân chia nhiệm vụ giữa các phần hành trong bộ máy kế toán có tính khoa học cao, đảm bảo sự hoạt động nhịp nhàng giữa các bộ phận, phản ánh kịp thời các thông tin kế toán tài chính phục vụ cho việc ra quyết định.

Với đội ngũ kế toán có trình độ, năng lực, kinh nghiệm, sự nhiệt tình và trung thực đã góp phần không nhỏ vào công tác giám sát và quản lý doanh thu, chi phí giúp doanh nghiệp dễ dàng xác định được kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mình.

Thứ ba: Về tổ chức công tác kế toán

Tổ chức công tác kế toán được thực hiện theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Để đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời mọi hoạt động kinh tế phát sinh nên ngay từ công việc hạch toán ban đầu, kiểm tra tính hợp lý hợp lệ của các chứng từ gốc được tiến hành khá cẩn thận, đảm bảo các số liệu kế toán có căn cứ pháp lý, hạn chế được sự phản ánh sai lệch của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán. Hệ thống chứng từ theo đúng quy định, các yếu tố trong chứng từ đầy đủ, chính xác, đảm bảo đủ căn cứ cho việc ghi chép. Chế độ lập và luân

chuyên chứng từ hợp lý, gọn nhẹ, tránh được sự rườm rà song khá chặt chẽ trong quản lý.

Thứ tư: Về hình thức kế toán áp dụng

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hình thức kế toán là hình thức Nhật ký chung. Hình thức này đơn giản về quy trình hạch toán và số lượng sổ sách sử dụng phù hợp với quy mô, đặc điểm hoạt động kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của kế toán viên.

3.1.2 Hạn chế

Thứ nhất: Về hệ thống sổ kế toán.

Công ty vẫn chưa cụ thể hóa các nghiệp vụ phát sinh trong quá trình hạch toán và còn thiếu một số Sổ chi tiết để phục vụ cho việc đối chiếu kiểm tra được nhanh chóng.

- Kế toán không mở sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán) và Bảng tổng hợp thanh toán với người mua (người bán). Mục đích của hai loại sổ này giúp cho kế toán dễ dàng theo dõi tình hình công nợ của khách hàng đối với công ty cũng như công nợ của công ty đối với các nhà cung cấp, ngân hàng.

Thứ hai: Về tài khoản kế toán sử dụng và cách theo dõi.

Kế toán không mở chi tiết cho tài khoản 642: chi phí quản lý doanh nghiệp. Vì thế không phân bổ chi phí kinh doanh vào những dịch vụ cụ thể mà kết chuyển hết vào cuối kỳ để xác định kết quả. Thực tế tổng lợi nhuận kinh doanh cuối cùng không thay đổi nhưng sẽ gây sự không chính xác về giá vốn, doanh thu, chi phí, lợi nhuận của từng loại xe đối với việc vận chuyển của từng loại hàng hóa, ảnh hưởng đến thông tin cung cấp cho lãnh đạo khi họ muốn biết một chiếc xe vận hành trong tháng cụ thể lỗ, lãi như thế nào. Bên cạnh đó có những hợp đồng cho xe chạy đường dài, Công ty sẽ không kiểm soát được mức tiêu hao nguyên liệu cụ thể dẫn đến việc thất thoát trong quá trình lưu thông.

Thứ ba: Về các khoản trích theo lương của người lao động.

Hiện nay, Công ty chưa thực hiện trích các khoản theo lương của nhân viên và công nhân. Do đó các khoản này không được tính trừ mà mặc nhiên coi là lợi nhuận. Vì thế Công ty sẽ phải nộp thêm một khoản thuế thu nhập doanh nghiệp. Do đó Công ty nên tiến hành trích các khoản trích theo lương để đảm bảo quyền lợi và chế độ cho công nhân viên và hạch toán lợi nhuận được chính xác.

Thứ tư: Về hình thức kế toán

Hình thức kế toán mà công ty sử dụng là hình thức kế toán Nhật ký chung. Hình thức này phù hợp với quy mô và đặc điểm kinh doanh của công ty. Tuy nhiên, Công ty lại không sử dụng phần mềm kế toán máy. Vì thế Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán để giảm thiểu khối lượng sổ sách, khối lượng công việc cho kế toán viên, giúp cho việc hạch toán kế toán được đơn giản gọn nhẹ hơn.

Thứ năm: Về thiệt hại trong kinh doanh

Với đặc thù là công ty dịch vụ chuyên vận chuyển hành khách và hàng hóa trên các tuyến đường bộ. Không giống như các loại hình khác như sản xuất, chế biến luôn lo ngại về những thiệt hại trong quá trình sản xuất hay vận chuyển vì nó ảnh hưởng đến chất lượng và uy tín của doanh nghiệp trên thị trường. Trong quá trình kinh doanh tại Công ty Công Lý có phát sinh những thiệt hại như xe phải sửa chữa lớn, xe hỏng dọc đường đang lưu thông hay những thiệt hại bất thường khác trên đường như xe bị tai nạn, hay vi phạm luật giao thông...

3.2 Các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý***3.2.1 Tính tất yếu phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý.***

Trong xu thế phát triển chung của thế giới như hiện nay cùng với tốc độ quốc tế hóa, hội nhập ngày càng cao...Nền kinh tế nước ta đã và đang có những chuyển biến lớn tiến lên theo tốc độ chung và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Trong cơ chế này, với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì sự thành bại của một doanh nghiệp là một điều tất yếu. Doanh nghiệp muốn duy trì tốt hoạt động của mình thì phải xác định được phương hướng cũng như mục tiêu để từ đó có bước phát triển mới. Muốn vậy thì trước hết công ty phải tự hoàn thiện, không ngừng đổi mới công tác sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường hiện nay vì kế toán trong công cuộc đổi mới không chỉ là công cụ quản lý và trở thành bộ phận quản lý kinh tế tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc lập chứng từ, kiểm tra, đối chiếu, tính toán, ghi chép, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng những phương pháp khoa học để có thể biết được những thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ về

sự vận động của tài sản và nguồn hình thành tài sản góp phần bảo vệ tài sản, sử dụng tài sản hợp lý của đơn vị mình.

Đứng trước yêu cầu trên Công ty nên có những biện pháp hạch toán phù hợp với đặc thù doanh nghiệp, cập nhập các chuẩn mực kế toán mới, các thông tư hướng dẫn và áp dụng những tiến bộ khoa học vào trong công tác kế toán. Do vậy, tính tất yếu đối với Công ty là phải hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng để phù hợp với chuẩn mực chung của quốc tế cũng như tạo khả năng cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài.

3.2.2 Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý.

Nền kinh tế ngày càng mở rộng, phát triển không chỉ riêng với nước ta mà còn với các nước trên thế giới. Để phù hợp với xu thế đó, Nhà nước ta đã ban hành những chính sách, chuẩn mực và thông tư hướng dẫn cụ thể đối với từng lĩnh vực kinh tế- xã hội. Nhiệm vụ của mỗi thành phần kinh tế là vận dụng sao cho đúng, cho đủ và hợp lý trong lĩnh vực của mình để xem lại hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần phát triển nền kinh tế trong nước, hội nhập và mở rộng với nền kinh tế thế giới.

Yêu cầu đặt ra trong công tác hạch toán kế toán tại Công ty là kịp thời áp dụng các chuẩn mực kế toán mới nhất, các thông tư hướng dẫn... phù hợp với đặc điểm đơn vị của mình. Hạch toán đầy đủ, chính xác theo chuẩn mực không chỉ thể hiện tính nghiêm túc chấp hành pháp luật mà còn có vai trò quan trọng trong công tác quản lý doanh thu, chi phí cũng như quản lý doanh nghiệp.

Việc hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cần dựa vào những cơ sở sau:

Thứ nhất, đảm bảo sự phù hợp giữa loại hình doanh nghiệp và tổ chức quản lý của doanh nghiệp với chế độ kế toán chung. Bởi vì mỗi doanh nghiệp đều có đặc điểm riêng, do đó vận dụng chế độ kế toán một cách linh hoạt, hợp lý trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tính chất hoạt động và quy mô của mình sẽ giúp doanh nghiệp đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý.

Thứ hai, đảm bảo sự tuân thủ thống nhất, chặt chẽ giữa những quy định trong điều lệ tổ chức kế toán Nhà nước, trong chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành với chế độ kế toán đặc thù ngành kinh doanh dịch vụ.

Thứ ba, đảm bảo sự tiết kiệm và hiệu quả trong việc tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp. Muốn vậy, phải tổ chức công tác kế toán khoa học, hợp lý, tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của kế toán để chất lượng công tác kế toán đạt được cao nhất với chi phí thấp nhất.

Thứ tư, đảm bảo sự thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản lý vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để nhà quản trị ra các quyết định đúng đắn.

3.2.3 Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Công Lý.

Bên cạnh những mặt tích cực mà công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đã làm được tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế chưa thực sự đem lại hiệu quả tối ưu cho Công ty. Bằng những kiến thức đã học, đối chiếu giữa lý luận và thực tiễn em xin đề xuất một số kiến nghị sau:

3.2.3.1 Kiến nghị 1: Về hệ thống sổ sách kế toán tại Công ty Công Lý.

Công ty nên sử dụng theo đúng và đầy đủ hệ thống mẫu sổ theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14 tháng 09 năm 2006. Điều này sẽ giúp doanh nghiệp theo dõi được chặt chẽ và dễ kiểm soát các nghiệp vụ phát sinh. Cụ thể công ty cần bổ sung thêm mẫu sổ: Sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán); Bảng tổng hợp chi tiết thanh toán với người mua (người bán).

BIỂU 3.1(Mẫu sổ chi tiết thanh toán với người mua (bán) năm 2009)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG CÔNG LÝ

Mẫu số S31-DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

Tài khoản

Tên TK

Đối tượng

Năm

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ						
			Cộng phát sinh						
			Số dư cuối kỳ						

BIỂU 3.2(Mẫu bảng TH thanh toán với người mua (bán) năm 2009)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ
DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG CÔNG LÝ**

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA(NGƯỜI BÁN)

Tài khoản

Tên TK

Năm

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
	Tổng						

3.2.3.2 Kiến nghị 2: Về kế toán các khoản trích theo lương

Do khoản chi phí nhân công trực tiếp bao gồm lương, các khoản trích theo lương và các khoản mang tính chất lương của công nhân viên. Mặt khác, chi phí này ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận. Việc công ty không trích các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN) cho công nhân sẽ xảy ra hai trường hợp. Một mặt làm tăng lợi nhuận của công ty là điều đáng mừng nhưng mặt khác Công ty sẽ chịu một khoản thuế do chính phần lợi nhuận thừa đó mang lại và Công ty cũng không tuân thủ đúng quy định của Nhà nước. Vậy cần phải trích các khoản trích theo lương theo đúng quy định của Nhà nước để đảm bảo quyền lợi và chế độ được hưởng của công nhân viên được tính như sau:

Chỉ tiêu	Người LĐ đóng góp (trừ vào thu nhập)	Tính vào chi phí sản xuất kinh doanh	Ngân sách Nhà nước
BHXH: 20%	5%	15%	-
BHYT: 3%	1%	2%	-
KPCĐ: 2%	-	2%	-
BHTN: 3%	1%	1%	1%
Tổng	7%	20%	1%

Để tính được như trên, cuối tháng kế toán căn cứ vào bảng chấm công để tính ra tiền lương của từng lái xe. Tiến hành tính BHXH, BHYT, BHTN trên căn cứ lương cơ bản (lương hợp đồng) theo quy định, tính KPCĐ trên tiền lương thực tế trong tháng.

Cách tính lương tại Công ty Công Lý

- Bộ phận văn phòng: tính theo lương thời gian

$$\text{Đơn giá lương ngày} = \frac{\text{Lương tháng theo HĐ}}{\text{Số ngày làm việc theo chế độ}}$$

$$\text{Lương tháng} = \text{Số ngày làm việc thực tế trong tháng} \times \text{Đơn giá lương ngày}$$

$$\text{Tổng thu nhập} = \text{Lương} + \text{Phụ cấp} + \text{Thưởng}$$

Ví dụ: Tính tiền lương của nhân viên kế toán Nguyễn Thị Thịnh

Căn cứ theo hợp đồng ký kết giữa người lao động và Công ty, hàng tháng nhân viên kế toán được trả mức lương cơ bản là 2.500.000đ.

$$\frac{\text{Đơn giá lương ngày}}{\text{Đơn giá lương ngày}} = \frac{2.500.000}{26 \text{ ngày}} = 96.154đ$$

Trong tháng 12 cô Thịnh làm việc 27 ngày.

$$\text{Lương tháng} = 27 \text{ ngày} \times 96.154 = 2.596.000$$

Trong tháng 12, cô Thịnh đã làm tăng ca trong 5 buổi tối, mỗi tối một giờ và nhận được mức phụ cấp là 50.000đ/ một buổi.

Tổng thu nhập trong tháng 12 của cô Thịnh là **2.846.000đ**.

Kế toán hạch toán

Nợ TK 642 : 2.846.000

Có TK 334 : 2.846.000

Trích các khoản trích theo lương

Nợ TK 642 : 506.290

Nợ TK 334 : 199.220

Có TK 338 : 705.510

3.2.3.3 Kiến nghị 3: Về các khoản thiệt hại trong kinh doanh

Đối với các công ty dịch vụ nhất là dịch vụ vận tải những khoản thiệt hại trong quá trình lưu thông luôn luôn thường trực trên mỗi tuyến đường. Vì vậy Công ty phải có kế hoạch đưa ra những chi phí nhất định và thường trực cho những thiệt hại bất thường cũng như những thiệt hại có kế hoạch khi xảy ra. Công ty nên trích trước khoản chi phí sửa chữa lớn để trang trải cho những thiệt hại khi xe lưu thông như tai nạn, vi phạm giao thông hay khi xe phải ngừng hoạt động để sửa chữa tu bổ.

Dựa vào kết quả kinh doanh của năm trước, Công ty sẽ đưa ra kế hoạch chi tạm thời về chi phí sửa chữa lớn TSCĐ và dùng tài khoản 335. Đây là tài khoản dùng để hạch toán những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh, nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này cho các đối tượng chịu chi phí để đảm bảo khi các khoản chi trả phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh.

- Trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh số chi sửa chữa lớn TSCĐ dự tính sẽ phát sinh, ghi:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 335 - Chi phí phải trả.

- Khi công việc sửa chữa lớn hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, kế toán kết chuyển chi phí thực tế phát sinh thuộc khối lượng công việc sửa chữa lớn TSCĐ đã được dự trích trước vào chi phí, ghi:

Nợ các TK 642 (Nếu số đã chi lớn hơn số trích trước)

Nợ TK 335 - Chi phí phải trả (Số đã trích trước)

Có TK 241 - XDCB dở dang (2413) (Tổng chi phí thực tế phát sinh)

Có các TK 642 (Nếu số đã chi nhỏ hơn số trích trước).

3.2.3.4 Kiến nghị 4: Hoàn thiện kế toán quản trị tại công ty Công Lý

Thứ nhất, khi vào sổ sách kế toán phải ghi rõ số hiệu, ngày tháng chứng từ ghi sổ.

Thứ hai, về tình hình thanh toán công nợ phải thu:

Để giúp cho công ty thu hồi các khoản phải thu nhanh chóng, công ty cần coi trọng biện pháp sau đây:

- Phải mở các sổ theo dõi chi tiết các khoản nợ phải thu trong và ngoài doanh nghiệp và thường xuyên đôn đốc để thu hồi đúng hạn.

- Có các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi không được thanh toán (Lựa chọn khách hàng, giới hạn giá trị tín dụng, yêu cầu đặt cọc, tạm ứng hay trả trước một phần giá trị hợp đồng...)

- Có chính sách bán chịu đúng đắn đối với từng khách hàng. Khi bán chịu phải xem xét kỹ khả năng thanh toán trên cơ sở hợp đồng kinh tế đã ký.

- Có sự ràng buộc chặt chẽ trong hợp đồng kinh tế, nếu vượt quá thời gian thanh toán theo hợp đồng thì doanh nghiệp được thu lãi suất tương ứng với lãi suất quá hạn của ngân hàng.

- Phân loại các khoản nợ quá hạn, tìm hiểu nguyên nhân của từng khoản nợ (chủ quan, khách quan) để có biện pháp xử lý thích hợp như gia hạn nợ, thỏa ước xử lý nợ, xóa một phần nợ cho khách hàng hoặc yêu cầu Tòa án kinh tế giải quyết.

Thứ ba, Trong môi trường kinh doanh có sự cạnh tranh gay gắt như hiện nay, song hành với những cơ hội là những thách thức có thể xảy ra rủi ro bất cứ lúc nào đối với doanh nghiệp. Việc mỗi doanh nghiệp phải có những sách lược riêng của mình để hạn chế mức thấp nhất khả năng rủi ro là điều tất yếu. Đối với việc sử dụng phần mềm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, ngoài nhiệm vụ chính là hạch toán, cung cấp thông tin liên quan và đưa ra kết quả cuối cùng cho ban lãnh đạo thì kế toán cũng có thể đưa ra những ý

kiến đề góp phần nâng cao kết quả kinh doanh cho doanh nghiệp. Kế toán có thể từ những thông tin số liệu của mình có nhận xét về tình hình hoạt động của doanh nghiệp, tình hình nợ phải thu khách hàng.... đang ở tình trạng tốt hay không tốt để từ đó có những giải pháp giúp ban lãnh đạo công ty có những quyết định đúng đắn.

3.2.3.5 Kiến nghị 5: Đề xuất các khoản giảm trừ

Trong năm 2009, Công ty Công Lý chưa hạch toán tài khoản 521 – Chiết khấu thương mại. Việc này đã ảnh hưởng không nhỏ đến lợi ích của khách hàng và quá trình hoạt động kinh doanh. Với tâm lý người mua hàng (sử dụng dịch vụ) việc dịch vụ tốt chưa đủ mà bên cạnh đó đều muốn được có hàng khuyến mãi hoặc giảm được một chút chi phí. Nhưng Công ty đã chưa nhận ra được lợi ích từ việc này nên chưa thực sự làm cho khách hàng nhớ đến và sử dụng dịch vụ của mình. Vì vậy Công ty nên đưa thêm các khoản giảm trừ “chiết khấu thương mại” để khuyến khích tiêu thụ của khách hàng và làm dịch vụ của Công ty mình được tốt hơn. Công ty nên đưa ra mức trích chiết khấu thương mại cho từng loại hợp đồng. Em xin đề xuất một số ý kiến như sau:

Loại hợp đồng	Số tiền	Mức chiết khấu thương mại được hưởng
HĐ dài hạn (<= 1 năm)	<= 100.000.000đ	5%
HĐ dài hạn (<= 1 năm)	> 100.000.000đ	3%
HĐ dài hạn (6 tháng)	<= 100.000.000đ	3%
HĐ dài hạn (6 tháng)	> 100.000.000đ	1,5%
HĐ ngắn hạn	<= 100.000.000đ	2%
HĐ ngắn hạn	> 100.000.000đ	1%

(Nếu hợp đồng dưới 10.000.000đ sẽ không được hưởng chiết khấu thương mại)

- ✓ Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại có 3 tài khoản cấp 2:
 - Tài khoản 5211 - Chiết khấu hàng hoá: Phản ánh toàn bộ số tiền chiết khấu thương mại (tính trên khối lượng hàng hoá đã bán ra) cho người mua hàng hoá.
 - Tài khoản 5212 - Chiết khấu thành phẩm: Phản ánh toàn bộ số tiền chiết khấu thương mại tính trên khối lượng sản phẩm đã bán ra cho người mua thành phẩm.
 - Tài khoản 5213 - Chiết khấu dịch vụ: Phản ánh toàn bộ số tiền chiết khấu thương mại tính trên khối lượng dịch vụ đã cung cấp cho người mua dịch vụ.

Ví dụ minh họa: Ngày 25 tháng 12 năm 2009, Công ty TNHH Nam Việt thanh toán tiền cước vận chuyển trong tháng cho Công ty là 18.200.000đ. Nên Công ty Công Lý đã cho Nam Việt hưởng 1% chiết khấu thương mại. Số tiền Nam Việt được hưởng là: 182.000đ. Số tiền đã có thuế VAT và được khấu trừ luôn trên số tiền Nam Việt nợ.

Kế toán hạch toán

- Phản ánh số chiết khấu thương mại mà Công ty cho Nam Việt hưởng

Nợ TK 5213 : 165.455

Nợ TK 3331 : 16.545

Có TK 111 : 182.000

- Cuối kỳ, kết chuyển số chiết khấu thương mại đã chấp thuận cho người mua phát sinh trong kỳ sang tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Nợ TK 511 : 165.455

Có TK 5213: 165.455

3.2.3.6 Kiến nghị 6: Về ứng dụng phần mềm tin học vào công tác kế toán

Tin học hóa hệ thống kế toán trong doanh nghiệp sẽ tạo điều kiện giảm bớt khối lượng công việc, giảm bớt sổ sách kế toán và đặc biệt cung cấp thông tin nhanh chóng, chính xác tạo điều kiện cho công tác quản lý.

Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại thông tư 103/2005/TT-BTC của Bộ tài chính ký ngày 24/11/2005 về việc “Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán”. Hoặc công ty có thể mua phần mềm của các nhà cung cấp phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- Phần mềm kế toán MISA của Công ty Cổ phần MISA.
- Phần mềm kế toán SAS INNOVA của Công ty Cổ phần SIS Việt Nam
- Phần mềm kế toán ACMAN của Công ty Cổ phần ACMAN.
- Phần mềm kế toán EFFECT của Công ty Cổ phần EFFECT.
- Phần mềm kế toán BRAVO của Công ty Cổ phần Bravo.

Khi thực hiện giải pháp này sẽ giúp cho việc xử lý và cung cấp thông tin kinh tế - tài chính nhanh chóng, kịp thời, chính xác và tiết kiệm được sức lao động, hiệu quả công việc cao đồng thời lưu trữ, bảo quản dữ liệu thuận lợi an toàn.

3.3 Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Công Lý.

3.3.1 Về phía Nhà nước

Áp lực cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ ngay trên thị trường nội địa cùng với khả năng còn yếu của các doanh nghiệp trong nước đặt ra cho Nhà nước một vấn đề cấp bách cần giải quyết. Đó là làm thế nào để thực hiện tốt các cam kết hội nhập đồng thời khai thác được điểm mạnh trong nước, thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước phát triển.

Vì mục tiêu chung, Nhà nước ta luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi cũng như tạo ra môi trường kinh doanh công bằng, lành mạnh cho các doanh nghiệp, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh theo pháp luật Việt Nam. Ban hành những chính sách phù hợp, kịp thời với sự biến động của nền kinh tế kèm theo những ưu đãi cho các doanh nghiệp, cá nhân trong quá trình sản xuất kinh doanh gặp phải khó khăn cũng như đối với các doanh nghiệp, cá nhân có đóng góp to lớn trong sự phát triển của đất nước. Luôn khuyến khích các doanh nghiệp không ngừng cải cách, đổi mới và phát triển toàn diện hơn.

3.3.2 Về phía doanh nghiệp

Tuy mới có 8 năm hoạt động nhưng Công ty Công Lý đã có những đóng góp vào sự phát triển của nền kinh tế Nhà nước. Công ty không ngừng đổi mới phương tiện vận tải, các trang thiết bị ... nâng cao công tác quản lý, chú trọng đào tạo đội ngũ lái xe, phụ xe có chuyên môn, nghiệp vụ vững và luôn chăm lo đến đời sống công nhân viên.

Để đạt được quy mô sản xuất kinh doanh và quy mô quản lý ngày càng cao và lớn mạnh đòi hỏi một quá trình phấn đấu liên tục và lâu dài của cán bộ công nhân viên và ban giám đốc công ty. Vì vậy Công ty luôn cố gắng tìm mọi biện pháp để hòa nhập bước đi của mình cùng với sự phát triển chung của nền kinh tế đất nước. Nghiên cứu và vận dụng các công cụ quản lý kinh tế vào thực trạng hoạt động kinh doanh, tổ chức nghiên cứu thị trường....cùng đội ngũ cán bộ giàu kinh nghiệm, làm việc hiệu quả và gắn bó lâu dài với Công ty là những điều kiện thuận lợi để thực hiện các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nói chung và bộ phận kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Một số biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty

- ❶ Mở rộng thị trường phục vụ:

Hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, doanh nghiệp nào cũng phải xác định cho mình một chiến lược kinh doanh hợp lý với điều kiện của mình, trong đó chiến lược về thị trường mục tiêu đóng vai trò không nhỏ.

Thị trường là một yếu tố quyết định đến hiệu quả kinh doanh của Công ty. Để nâng cao hiệu quả kinh doanh nói chung, hiệu quả tiêu thụ nói riêng Công ty cần có chiến lược mở rộng thị trường một cách phù hợp. Trước hết, Công ty cần phải phục vụ tốt các khách hàng thường xuyên và có những biện pháp để mở rộng thị trường phục vụ như:

Tăng cường các biện pháp quảng cáo, Marketing thể hiện được rõ chất lượng phục vụ và uy tín của Công ty.

Tăng cường các chính sách khuyến mãi, thực hiện chiết khấu thương mại cho những khách hàng lớn và thường xuyên của Công ty.

Xây dựng đội ngũ nhân viên năng động, có những chính sách quan tâm đến nguồn nhân lực như chính sách lương, thưởng... tạo điều kiện cho nhân viên phục vụ khách hàng một cách tốt nhất.

② Quản lý tốt chi phí quản lý doanh nghiệp:

Chi phí là khoản bỏ ra để thực hiện doanh thu nhưng nó lại là các khoản chi phí của doanh nghiệp. Do đó, việc sử dụng tiết kiệm, hợp lý các khoản chi phí của doanh nghiệp này sẽ có ảnh hưởng lớn tới hiệu quả kinh doanh của Công ty. Tiết kiệm chi phí là làm giảm lượng tiêu hao vật chất trên một đơn vị sản phẩm, tăng khối lượng sản phẩm, dịch vụ sản xuất ra và giảm giá thành của hàng đã cung cấp. Với ý nghĩa đó tiết kiệm chi phí đã và đang là mục tiêu phấn đấu của các Công ty, các doanh nghiệp trong mọi thành phần kinh tế.

Đối với Công ty Công Lý, để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh bên cạnh việc tăng doanh thu thì Công ty cần phải có những biện pháp tiết kiệm các khoản chi phí kinh doanh. Để thực hiện tiết kiệm chi phí, em xin đưa ra một số biện pháp sau:

Mua vật tư, phụ tùng cần thiết cho quá trình sửa chữa và làm mới xe ô tô phải mua ở những nguồn tin cậy, đảm bảo, không mua hàng có nguồn gốc xuất xứ không rõ ràng, chất lượng không đảm bảo, chóng lãng phí khi mua nguyên liệu, hạn chế mua hàng nhiều nguồn sẽ khó khăn trong việc quản lý giá cả và nguồn gốc vật tư.

Chi phí hoạt động kinh doanh bao gồm hai khoản chi là chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, nhưng do đặc thù hoạt động kinh doanh của

mình(hoạt động kinh doanh dịch vụ) mà chi phí bán hàng chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng chi phí(Hai loại chi phí này được tập hợp trong tài khoản 642). Do đó, giải pháp chủ yếu cần tập trung làm giảm chi phí quản lý doanh nghiệp. Trước hết , Công ty cần có những giải pháp giảm chi phí không cần thiết như: chi phí điện thoại chi phí điện...tránh tình trạng sử dụng tràn lan. Đối với chi phí hội họp, tiếp khách Công ty cần có quy định cụ thể về số tiền được chi cho từng cuộc họp...Ngoài ra, Công ty nên phổ biến những chính sách thực hiện tiết kiệm đến từng cán bộ công nhân viên, yêu cầu mọi người cùng phối hợp thực hiện. Cuối năm có những chính sách khen thưởng, xử phạt đối với những cá nhân, bộ phận làm chưa tốt.

Quản lý tốt chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là một vấn đề mà doanh nghiệp nào cũng cần quan tâm. Tiết kiệm được chi phí đồng nghĩa với việc lợi nhuận của doanh nghiệp tăng lên. Đây là hai chỉ tiêu chất lượng quan trọng phản ánh trình độ quản lý kinh doanh của một doanh nghiệp. Quy mô hai loại chi phí này lớn hay nhỏ đều ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Công ty. Để tiết kiệm được hai loại chi phí này, Công ty phải quản lý chặt chẽ theo từng yếu tố chi phí phát sinh, có kế hoạch, sắp xếp công việc kinh doanh một cách khoa học, hợp lý. Có kế hoạch và dự kiến cho từng khoản chi phí sử dụng, tránh tình trạng chi phí vượt nhiều so với kế hoạch. Để có thể thực hiện được hai điều này, Công ty phải tiến hành phân công công việc, giám sát quá trình thực hiện công việc một cách nghiêm túc, đối với những công việc phải tiêu tốn một khoản chi phí lớn thì nên đưa ra nhiều phương án để lựa chọn, phương án nào tiết kiệm được chi phí, đem lại hiệu quả tối ưu thì lựa chọn, điều đó giúp Công ty giảm thiểu rủi ro và tránh được sự bị động khi gặp sự cố.

③ Nâng cao chất lượng phục vụ:

Như chúng ta đã biết chất lượng của dịch vụ cung cấp cho khách hàng là vấn đề rất quan trọng đối với một doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ. Nếu chất lượng phục vụ không đáp ứng được nhu cầu của khách hàng thì dịch vụ đó sẽ không tồn tại lâu dài được. Sau đây là một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

Tăng cường sự tham gia của khách hàng: Trong ngành dịch vụ khách hàng là người quan trọng nhất, khách hàng thể hiện ý kiến của mình về chất lượng dịch vụ sử dụng thông qua thông tin phản hồi và sự tham gia của khách hàng trong việc thực hiện dịch vụ. Chính vì thế mà sự tham gia của khách hàng

ảnh hưởng tới chất lượng dịch vụ cung cấp và tăng cường sự tham gia của khách hàng cũng là một biện pháp quan trọng để tăng chất lượng phục vụ thu hút khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty.

Nâng cao chất lượng phục vụ của đội ngũ lái xe: Đội ngũ lái xe là nhân viên trực tiếp tiếp xúc với khách hàng nên thái độ phục vụ khách hàng cũng ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng cung cấp dịch vụ. Do vậy, nâng cao chất lượng phục vụ của đội ngũ lái xe cũng là biện pháp hay để tăng lượng khách cho Công ty. Công ty luôn mở các lớp đào tạo về nghiệp vụ cũng như thái độ phục vụ khách hàng cho đội ngũ lái xe, có những mức thưởng, phạt hợp lý để các lái xe chuyên tâm phục vụ khách hàng tăng doanh thu cho Công ty.

Tài liệu tham khảo

1. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính VAT – TS Nguyễn Văn Công
2. Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán mới – TS Võ Văn Nhị
3. Kế toán doanh nghiệp theo chuẩn mực mới – TS Nghiêm Văn Lợi
4. Kế toán thương mại và dịch vụ - PGS PTS Ngô Thế Chi
5. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) – Hệ thống tài khoản kế toán – Nhà xuất bản tài chính.
6. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) – Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán – Nhà xuất bản tài chính.
7. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam
8. Quản trị tài chính doanh nghiệp – TS Võ Đăng Nam
9. Một số trang web.

Mục lục

LỜI NÓI ĐẦU	1
CHƯƠNG I	2
LÝ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ, KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	2
1.1 Vài nét về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh	2
1.1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	2
1.1.1.1 Khái niệm.....	2
1.1.1.2 Các loại doanh thu, các phương thức bán hàng và thời điểm ghi nhận doanh thu. 2	
❶ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	2
❷ Doanh thu tiêu thụ nội bộ.....	3
❸ Doanh thu hoạt động tài chính	3
❹ Thu nhập khác	3
1.1.1.3 Các yếu tố làm giảm doanh thu của doanh nghiệp	4
❶ Chiết khấu thương mại:.....	4
❷ Giảm giá hàng bán:.....	5
❸ Giá trị hàng bán bị trả lại:	5
❹ Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp:	5
1.1.2 Chi phí kinh doanh của doanh nghiệp	6
1.1.2.3 Khái niệm.....	6
1.1.2.4 Các loại chi phí.....	6
❶ Giá vốn hàng bán.....	6
❷ Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	6
❸ Chi phí hoạt động tài chính.....	8
❹ Chi phí khác.....	9
❺ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	9
1.1.3 Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp	9
1.2 Vai trò và nhiệm vụ của kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh	10
1.2.1 Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh.....	10

1.2.2	Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh ...	11
1.3	Hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	11
1.3.1	Kế toán doanh thu, thu nhập và các khoản giảm trừ doanh thu	11
1.3.1.1	Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11
1.3.1.2	Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	14
1.3.2	Kế toán chi phí	17
1.3.2.1	Kế toán giá vốn hàng bán	17
❶	Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:	17
❷	Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:	19
1.3.2.2	Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	23
1.3.3	Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính	26
1.3.4	Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	29
1.3.5	Kế toán xác định kết quả doanh thu.....	30
CHƯƠNG 2		35
CÔNG TÁC HẠCH TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG CÔNG LÝ.....		35
2.1	Khái quát chung về Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý	35
2.1.1	Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý.....	35
2.1.2	Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty Công Lý	36
2.1.3	Tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh của Công ty Công Lý	36
2.1.4	Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty.....	38
2.2	Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý.	41
2.2.1	Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý.....	41
2.2.2	Kế toán chi phí tại công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý	52
2.2.2.1	Kế toán giá vốn hàng bán	52
2.2.2.2	Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	59
2.2.3	Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính	64
2.2.3.1	Kế toán doanh thu tài chính	64

2.2.3.2 Kế toán chi phí tài chính	69
2.2.4 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	73
2.2.5 Kế toán xác định kết quả doanh thu	79
CHƯƠNG 3	92
MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG CÔNG LÝ	92
3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý	92
3.1.1 Ưu điểm	93
3.1.2 Hạn chế	94
3.2 Các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý ...	95
3.2.1 Tính tất yếu phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý.	95
3.2.2 Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần vận tải và dịch vụ môi trường Công Lý.	96
3.2.3 Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Công Lý.	97
3.2.3.1 Kiến nghị 1: Về hệ thống sổ sách kế toán tại Công ty Công Lý.	97
3.2.3.2 Kiến nghị 2: Về kế toán các khoản trích theo lương	100
3.2.3.3 Kiến nghị 3: Về các khoản thiệt hại trong kinh doanh	101
3.2.3.4 Kiến nghị 4: Hoàn thiện kế toán quản trị tại công ty Công Lý	102
3.2.3.5 Kiến nghị 5: Đề xuất các khoản giảm trừ.....	103
3.2.3.6 Kiến nghị 6: Về ứng dụng phần mềm tin học vào công tác kế toán.....	104
3.3 Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Công Lý.....	105
3.3.1 Về phía Nhà nước.....	105
3.3.2 Về phía doanh nghiệp.....	

